

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|------------------|
| — Một vài ý nghĩ về việc cải cách giáo-dục. | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Vài kiến-thức phổ thông về xã-hội và kinh tế học : Cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu-Tây | VŨ VĂN HIỀN |
| — Xã-hội Việt-nam từ thế kỷ thứ XVII | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Một nhà văn Anh ở Á-đông : Lafcadio Hearn | LÊ HUY VÂN |
| — Một cuộc tranh luận về xã-hội sử Trung-quốc. | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Lược khảo về cách ăn uống của người Việt-nam | NG. YẾN ĐÌNH HÀO |
| — Danh - văn ngoại quốc : Tư tưởng về nghệ thuật | Đ. G. T. |
| — Cách điệp ngữ và lối đảo ngữ trong văn chương | VŨ BỘI LIÊU |
| — Xử án loài vật | PHẠM TRINH CÁN |
| — Ý kiến bạn đọc: Vài cảm tưởng nhỏ về văn chương phụ nữ | LŨ THIÊN |
| — Việc quốc tế : Mặt trận Đại tây dương | ĐỖ ĐUY ĐỨC |
| — Đọc sách mới | L. H. V. |

một vài ý nghĩ về việc CẢI CÁCH GIÁO DỤC

VŨ ĐÌNH HÒE

TA đã có dịp xét cận kề sự nguy hiểm của nền « giáo dục vi học thuật » chủ ở Lý-trí và chuyên trau dồi tri thức (1) Lấy khoa phổ thông học thức làm căn bản, nó đã thiên về tri-dục một cách vô độ và thành một lối « nhồi sọ » hoàn toàn lý thuyết, chỉ gây cho cá-nhân một gánh học vấn chồng kèn hào nhoáng bề ngoài, thật tốt để che đậy cái bản ngã vô vị hoặc lem luốc chứ không có lợi gì cho cuộc sống của cá-nhân và Đoàn-thể.

Người ta đã bàn nhiều đến việc cải cách giáo dục. Từ đã lâu người ta đã thực hành nhiều điều thay đổi.

Vẫn được hài lòng về phần tri-dục, người ta muốn mang phần đức-dục lên ngang hàng với nó. Để việc huấn luyện thanh-niên được đầy đủ hơn rước, người ta thêm giờ luận lý vào chương trình học. Người ta yên tâm đã bỏ cứu được chỗ khuyết điểm và chắc đạt tới mục đích rèn luyện tâm-hồn con trẻ cùng với tinh thần chúng.

Song ta tự hỏi lối cải cách đó có thật chắc đưa tới kết quả không? Hay là nó lại làm nặng nề thêm cái bộ máy đã sai lạc. Thêm nhiều giờ luận lý mà không bớt nhều giờ về phần tri-dục — một sự hy sinh khó bề chịu nổi khi người ta còn giữ óc tôn sùng học thuật trong việc giáo dục — tức là đưa thêm những món khó tiêu vào tấm thực đơn đã vô cùng phức tạp! Khoa đức dục được dãi ngang hàng với khoa tri dục, nhưng những bài luận lý vẫn giăng chạy theo phương pháp rèn cấp lý trí cốt nhồi vào óc con trẻ những « Ý » thiện thì chưa chắc đã có hiệu quả cho tâm hồn không chỉ phối bởi những Ý mà bởi những đức vọng cao thượng và đề hạ hữu giác và tiềm thức. Với lối dạy đó, đức-dục — thực là một sự mâu thuẫn buồn cười! — sẽ chỉ là một phần trong chương trình tri-dục, và nền giáo dục vẫn giữ hoàn toàn tính cách chuyên về lý-trí.

Để việc huấn luyện thanh niên được đầy đủ hơn nữa, người ta lại tăng thêm cả giờ thể dục và thể thao, và không chịu hy sinh chút gì về phần tri-dục: Sự ham mê học thuật vẫn ăn sâu trong những khối óc sư-phạm! Kết quả: người ta thấy những cái đầu rỗng tuếch trên những thân hình vạm vỡ và

những bộ xương bọc da mang những cái đầu đầy lên! Nghĩa là những thiếu niên khỏe thì ít « chữ nghĩa » mà những kẻ học giỏi thì gầy nhom. Và lại sức mạnh về gân cốt phải phụng sự những đức tốt, như lưỡi gươm sắc phải ở trong tay tráng sĩ, thì mới có lợi cho sự sống của cá-nhân và Đoàn-thể. Khi đức-dục chỉ là một môn bài học về lý-thuyết để mở mang trí hiểu biết về đạo lý chứ không rèn luyện những đức vọng cao quý bằng sự hoạt động luận lý, thì dù thể dục có gây được những thân hình nở nang ngoạn mục cũng chỉ là bày những bức cảnh hoa mỹ để che đậy buổi sau sản khẩu lốt tâm và hời hám. Những bắp thịt rắn như sắt phải là lợi khí của những linh hồn rắn như sắt, nếu không nó sẽ nhũn ra như đất bùn sau một hồi trác táng!

Còn gì đẹp bằng một nền giáo dục gồm cả ba phần: Đức-dục, tri-dục, thể-dục. Nhưng nếu người ta không thay đổi hẳn quan niệm và phương pháp thì rút lại nó vẫn là một nền giáo dục chỉ về lý-trí, với tất cả sự nguy hiểm ghê gớm... lại còn tăng thêm vì một chương trình nặng và phức tạp hơn trước. Người ta vẫn luẩn quẩn trong lối giáo dục đã tạo nên ở thời Phục-hưng để chống lại với lối giáo dục Trung-Cổ và mục đích là làm nảy nở tất cả những bản năng thiên nhiên của cá-nhân (le libre et plein épanouissement de l'Individu) Quan niệm giáo dục ấy là một cuộc cách mệnh tinh-thần có giá trị đối với thời bấy giờ; một sự cố gắng lớn lao của Nhân loại để giải thoát thân thể tinh thần và tâm hồn ra khỏi quyền độc đoán khắc nghiệt của Giáo hội trong bao thế kỷ nó đã đè nén cá-nhân và kiềm tỏa sự tiến

bộ của học-thuật. Quyền tự do và quyền độc lập của lý trí đã chiếm đoạt được là nền tảng của cả cái văn minh khoa học khởi thủy từ đây và bành trướng mãi sau này. Song sự tự do và độc lập về tinh-thần lại được lập thành một Đạo sống: đó là một điều nhằm (nên tha thứ cho những người thủ xướng phong trào vì đã say mê trong cuộc chiến thắng!) nó đi một mối hại càng ngày càng lớn. Cá nhân đã thoát khỏi ngục chày chế của Giáo-hội để bị sự tự do tinh thần só ngã vào vòng áp bức của đức vọng. Chính-thể quân chủ (trong hồi lịnh) và ảnh hưởng của một vài phái đạo (Jansénistes và Puritains) đã giữ được kỷ cương trong một thời kỳ. Nhưng sau đó, cuộc cách mệnh chính trị, đánh đổ một ít oai quyền còn lại của Vua và Giáo-hội, đã đưa sự tôn sùng tự do và quyền cá nhân lên tột bậc. Quan niệm giáo-dục vẫn theo chiều đó mà mạnh hơn, để đưa cá-nhân và Đoàn thể vào một đời sống UON LƯỚI theo một chủ nghĩa: KHOÁI LẠC, dưới quyền chuyên chế của ĐỨC VỌNG.

Muốn cứu vãn cảnh trầm luân ấy và gây một đời sống sáng lạn cho những lớp thế hệ sau, phải có hẳn một cuộc cách mệnh về giáo-dục quyết liệt như cuộc cải tổ tinh thần sau thời Trung cổ.

Phải quả quyết rút bỏ quan niệm cũ: « Giáo-dục vi học-thuật » Phải phá đổ hẳn nền móng cũ: « Lý trí ». Phải rời hẳn dịch cũ: « Trau dồi tri thức ».

Đừng rút rè: thêm mộ vài giờ luận lý hay giảm bớt đôi ba môn trong chương trình tri dục v.v... không có lợi gì. Nếu không thay đổi hẳn thái độ, nếu không đứng hẳn sang con đường khác, nhằm một đích khác thì chỉ trong một thời

gian rất ngắn — ngửa quen đường cũ! — tự nhiên người ta sẽ xoay về chiều « Lý trí » như sợi thép bị hút bởi viên đá nam châm của học-thuật. Rồi bao nhiêu những cải cách không do một quan niệm mới rõ rệt và mạnh mẽ chỉ phối sẽ biến thể và thành giả dối hết.

Hãy thân nhiên quên hẳn chế độ cũ, rồi nhận lấy quan niệm mới: Giáo dục từ nay không phụng sự học-thuật, không mở mang lý trí, không trau dồi tri thức nữa. Giáo dục phải gây một ĐẠO SỐNG. Giáo dục phải rèn luyện cá nhân để Sống một cách có lợi cho mình và cho đoàn thể. Giáo dục phải phụng sự Nhân-Sinh. Không phải vì thế mà khinh rẻ học thuật. Nhưng sự tôn sùng học thuật là một nguyên động lực đáng quý ở địa hạt khác. Ở địa hạt giáo dục nó là một quán thù! Và lại ta nên nhớ những người có công với học thuật là những người có bản lĩnh mạnh đã tự tạo được một đạo sống (nếu không được nhờ một nền giáo dục đã tạo cho).

MỘT ĐẠO SỐNG (un idéal).

MỘT TÍN NGƯỠNG (une foi)

để phụng sự đạo sống,

Một TÍNH KHÍ (un caractère) và Một NGÀNH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (une activité spécialisée) để giữ bền tin ngưỡng và thực hành đạo sống. (1)

Đó là những phương châm của một cuộc cách mệnh giáo dục

Cách mệnh triệt để: Đừng luyến tiếc cái sắc đẹp cảm dỗ — sắc đẹp nào mà chẳng cảm dỗ! — của Học-thuật. Ta sẽ tôn thờ nó ở chỗ khác.

Ở nền học căn bản, tri-dục, đức-dục, thể-dục đều nhằm theo một mục đích: rèn đức tính-khí.

Tri-dục phải gồm trong 3 phần tư chương trình những môn học nhân bản và khoa đạo lý. (1 phần tư là những điều thường thức có lợi cho đời thực tế). Thể-dục phải phụng sự Đức dục.

Chương trình Đức-dục cũng phải là một môn bài học luận lý, để nhồi những ý thiện ác vào óc con trẻ. Phải gây một hoàn cảnh đạo lý, phải gợi những việc thiện, phải có những gương tốt (Xem trang sau)

(1) Xem T. N. số 16

(1) Xem T. N. số 17: « Giáo-dục vi Nhân-sinh và khoa rèn đức tính-khí »

sống và hành động ngay quanh mình chúng, (trách nhiệm thiêng liêng của phụ huynh và giáo viên!). Một buổi lễ trang nghiêm trước bàn thờ Tổ quốc, những tổ chức từ thiện, một điệu anh hùng ca quanh ngọn lửa trại, một ngày sống với những cô nhi trong một dục anh đường..., chỉ có những bài học luân lý bằng thực hành đó mới có hiệu quả. Nhưng tỉ dụ trên không mới mẻ gì, người ta vẫn thường nói đến và thỉnh thoảng cũng đã thực hành. Điều mới là đây: hãy bỏ hẳn những giờ dạy trong lớp học. Luân lý không ở trên chiếc bảng đen mà ở đời, ở sự đụng chạm hàng ngày với những người xung quanh. Và hãy tìm rất nhiều những tỉ dụ như trên xếp đặt thành một chương trình « hoạt động luân lý » áp dụng luôn luôn trong đời sống hàng ngày của con trẻ. Đó thuộc về phần tổ chức nền giáo dục mới.

Trong quan niệm mới về giáo dục: giáo dục gây một ĐẠO SỐNG và rèn luyện thanh - niên trong đạo sống ấy, có nền giáo-dục ở học-đường và nền giáo-dục ngoài học-đường (những thanh-niên-đoàn). Phân biệt thế cho tiện nói. Chứ không thể coi hai nền giáo-dục đó là hai tổ chức với những cơ quan và những người quản lĩnh riêng biệt. Phải coi là hai phần của một nền giáo-dục, hai công việc của một tổ chức quan trọng như nhau và liên lạc mật thiết với nhau.

Ta phải coi những thanh - niên đoàn như những cơ quan giáo dục tương đương với các học đường, cũng xếp đặt thành đẳng cấp nối liền với các bậc học. Thực ra chỉ có một chương trình giáo dục: chương trình đó có những buổi áp dụng ở trường học, có những buổi áp dụng ở những tổ chức thanh-niên.

Tùy theo những môn giáo khoa, thanh - niên có khi học tập ở lớp học, có khi học tập ở một sương thợ hay một trang ấp, có khi rèn luyện ở trại, hay ở giữa tạo vật, hay ở dọc đường. (1) Lớp học chỉ là một nơi trong nhiều nơi (có nơi không định trước) dùng làm chỗ giảng dạy những môn trong chương trình cần đến một nơi nhất định và thuận tiện.

Những môn tri-dục ở ngoài sẽ thường dạy ở lớp học; thể dục, đức dục ở những thanh-niên đoàn.

Với lối tổ-chức giáo dục như trên ta sẽ tránh được những điều vô lý như sau:

—Đề một vài giờ luân lý trong chương trình học trong lớp.. Như trên ta đã nói những giờ giảng dạy luân lý ấy không có hiệu quả gì — đề

ở học đường những giờ thể dục, thể thao, ca hát thủ công, giải trí hương dẫn, thuộc về khoa giáo dục toàn thể. Những giờ này là thừa vì những môn trên đã thuộc vào chương trình huấn luyện ở các thanh-niên đoàn,

Như vậy tất nhiên những thanh-niên đoàn đã phải có từ những bậc học dưới và phải theo rồi thanh niên cho đến lúc hết đời học-sinh. Đó là một việc tối cần vì thanh-niên đoàn là then chốt của nền giáo-dục chủ việc rèn đức tinh-khí.

Nếu chỉ lập thanh-niên đoàn cho thanh-niên nhón tuổi và rèn luyện họ trong một thời hạn ngắn ngủi tức là vẫn để phần quan-trọng cho việc giáo dục ở học đường, một giáo-dục lý-thuyết trừu tượng, không liên-lạc với thực-tế và thiên về lý trí. Có những giờ thể-dục và giáo-dục toàn thể trong chương-trình ở học đường (thủ-công ca hát, giải trí hương dẫn) nhưng không đủ và vì vậy sự tổ chức sẽ mỏng manh và không có sức mạnh gì.

Không thể mong ở Giáo-dục gia-đình để bổ khuyết chỗ thiếu thốn ấy được, Gia-đình cũng đang bị suy si, và những người giữ trách-nhiệm gây dựng con trẻ nhiều khi bận rộn về việc mưu sinh, hoặc bất lực, hoặc cầu thả, hoặc không xứng đáng vì chính họ đã bị lôi cuốn theo phong-trào truy-lạc của thời-đại.

Vả lại nhiệm vụ đào luyện thanh-niên phải là nhiệm vụ của Đoàn thể để việc giáo dục có thống hệ, có phương pháp và nhằm những phương châm duy nhất, gây sức mạnh cho Quốc-Gia.

VŨ-ĐÌNH-HÒE

(1) Tỉ như lối giáo-dục Hướng-đạo. Hướng-đạo-sinh có khi phải theo những lớp huấn luyện, có khi đi cắm trại riêng từng đội, có khi hội họp chung ở một nơi nào không định trước.

Thông ché PÉTAIN đã nói:

« Quốc-dân phải có đại-biêu, bản-chức đã thừa hiểu vậy. Nhưng giờ này là giờ của những bậc thượng-lưu xuất-sắc. Chẳng còn nên kén-cựa hay hứa hão, mà phải theo đạo cư-xử cho ngay thẳng và trung-hậu. Thực đấy, quốc-dân vẫn được bản định, thợ thuyền vẫn được ấn nói, bầy tôi trung-thành của nước nhà vẫn được bày-tỏ ý-kiến. Ta chỉ nên nghĩ đến trật-tự, mà trật-tự ấy là lương tâm ở mọi người ».

Cuộc tiên-hóa của nền tư-bản Âu-Tây

I

VŨ VĂN HIỀN

CÁCH đây mười năm, giữa hồi kinh-tế khủng hoảng, tại các nước Âu-Mỹ đã có những cuộc tranh-luận về chủ-nghĩa tư-bản; phái thì cho cuộc khủng-hoảng ấy là trạng-thái của một xã-hội đến lúc suy-vĩ; phái thì cho rằng cần phải có những cuộc cải-cách mạnh bạo để cứu-vãn nền tư-bản đã làm cho nhân-loại được sung-túc, yên-ôn, và tiến bộ. Tới nay, trong khi chiến-tranh còn đương cháy bùng khắp hoàn-cầu, nhiều nhà quan-sát dự-đoán rằng rồi sau đây xã-hội tư-bản sẽ đổ hẳn đề nhường bước cho một lối tổ-chức, một quan-niệm về xã-hội và kinh-tế mới mẻ và có hiệu-nghiem hơn là chế-độ đương thì hành ở các nước phía tây châu Âu.

Tuy rằng cuộc tranh biện ấy không có vang-động đến xứ ta, ta cũng nên biết qua thể nào là xã-hội tư-bản và cuộc tiên hóa của nền tư-bản Âu-Mỹ, vì dẫu sao ta cũng sẽ chịu ảnh hưởng của thế-giới mai sau và có nhẽ trước khi tìm được lối tổ-chức thích hợp cho dân-tộc Việt-Nam, ta sẽ phải qua những quãng, đường mà các nước tiên tiến đã qua.

Thế nào là xã-hội tư-bản

Thật ra thì nhiều người chúng ta đã nghe nói đến chủ nghĩa tư-bản, chế độ tư-bản. Nhưng những tiếng ấy có ý nghĩa sâu sa và phức-tạp hơn là ý-nghĩa những người dùng nó làm khẩu-hiệu tranh đấu về chính-trị vẫn hiểu.

Chế-độ tư-bản cũng không phải theo như nhiều người vẫn tưởng là một chế-độ căn cứ vào tư-sản (của riêng).

Tư-sản là một trong nhiều yếu tố của chế-độ tư-bản nhưng không đủ để phân-biệt nền tư-bản với những tổ chức xã-hội khác.

Từ khi bắt đầu có lịch-sử ta đã thấy xã-hội công nhận quyền sở-hữu của một người hay một bọn người về các của cải, mà hiện nay chỉ trừ một vài bộ-lạc chậm-liến ăn ở vài nơi rất hiếm, còn thì ở xứ nào, ở dân-tộc nào cũng có tư-sản, hoặc tư-sản về tất cả các đồ vật hoặc tư-sản riêng về những vật có thể tiêu-thụ ngay được. Nhưng theo nhiều nhà kinh-tế sử-học thì thật ra chế-độ tư-bản mới phát hiện từ thế-kỷ 15 hay 16 tại Âu-châu, từ thế-kỷ 19 tại Nhật-bản và hiện nay chế-độ ấy cũng mới thành-lập vững-chãi ở các cường-quốc mà thôi.

Muôn biết đặc-tính của xã-hội tư-bản ta cần phải dùng về phương-diện kinh-tế, pháp-luật cùng luân-lý và tôn-giáo.

Về phương-diện kinh-tế, ta hãy so sánh lối tổ chức của xã-hội Âu-tây hồi Trung-cổ và lối tổ-chức của một nước tư-bản hiện thời,

Đại-cương thì nền kinh-tế Âu-tây hồi Trung-cổ căn-cứ vào canh-nông và tiểu-công-nghệ mà trong hai lối hoạt-động về kinh-tế ấy, cũng có một đặc-diểm là người sản-xuất tự mình bỏ vốn ra, dùng sức mình hoặc gia-đình mình mà sáng-tạo các sản-vật; khi đã được sản-vật rồi thì dùng ngay một phần lớn để tiêu-thụ trong nhà, còn thì đem bán cho những người chung quanh đã quen biết mình mà chính mình cũng đã hiểu-rõ sự nhu-cầu. Mỗi người sản-xuất (làm ruộng hay làm thợ) như thế vừa là chủ, vừa là người làm công, vừa là người chế tạo vừa là người tiêu-thụ quan trọng nhất của sản-phẩm của mình,

Trong xã-hội tư-bản, ta thấy những yếu tố cần cho sự sản-xuất phân-lách ra: vốn (cũng gọi là tư-bản) và nhân-công không thuộc về một người nữa; không những thế, sự sản-xuất và sự tiêu-thụ cũng cách biệt hẳn nhau. Người có vốn đề sắm-sửa các khi-cụ đem bán trên thị-trường, đề tìm-lãi; người có sức hay có tài chuyên-môn cũng đem bán sức, bán kiến-thức của mình trên thị-trường. Hòa-hợp tư-bản và nhân-công đề sản-xuất cho được re, có những người kinh-doanh, chỉ huy những công-xưởng (entreprise). Những người đó mua vốn, mua nhân công ở một nơi, đề sản-xuất rồi bán ở một nơi khác; thị-trường các sản-phẩm không phải chỉ ở phạm-vi những người xuất vốn hay làm công mà trái lại bao gồm không biết bao nhiêu người xa lạ sống ở tất cả các giai-cấp trong xã-hội, ở ngoài vùng sản-xuất, ngoài biên-quốc gia, ở khắp cả hoàn-cầu.

Ma cũng vì thị-trường bành-chướng nên công việc làm bằng sức người không suê, cần phải dùng đến máy móc; rồi khi đã dùng máy móc, sức sản-xuất lại quá sức tiêu-thụ của địa-phương, thị-trường lại cần mở rộng thêm nữa.

Vậy, phân chia tư-bản và nhân-công, phân chia sự sản-xuất và sự tiêu-thụ, địa-vị tối-quan

trọng của người « entrepreneur », (dịch tạm là « người chỉ-huy công-xưởng », nhưng chữ này không dịch được), thị-trường bánh-chuồng hết sức và cơ-khí, tiến-hóa đó là những đặc - điểm của nền kinh-tế tư-bản.

Những trạng-thái kinh-tế ấy nảy nở trong một khuôn-mẫu pháp-luật căn-cứ vào tư-sản và tự-do lập-uớc.

Như trên kia đã nói thì không những ở xã-hội tư-bản mà ở khắp mọi xã-hội của loài người, luật-pháp hay tục-lệ vẫn công nhận tư-sản. Nhưng trong xã-hội tư-bản, quyền sở-hữu các sản-vật được coi là một quyền tuyệt-đối, bất-khả xâm-phạm, một quyền được luật-pháp và xã-hội che trở ngang với tính-mệnh của cá nhân. Người có quyền sở-hữu được phép dùng, hưởng và hủy hoại sản-vật riêng của mình; không những thế, sau khi chết, con cháu còn được kế-tiếp mà thụ-hưởng cái quyền ấy; thừa kế di-sản chỉ là một kết quả của quyền sở-hữu.

Về sự giao-dịch thì luật-pháp hết sức che-trở cho tư-nhân được tự-do lập-khế-uớc với nhau « Hiệp-uớc lập trong phạm-vi pháp-luật cũng điều-lệ mà trong quyền dân-luật ở nước có hiệu nghiệm như pháp-luật » đó là một tư-bản nào cũng chép rõ như một nguyên-tắc làm mực-thước cho mọi sự giao-dịch. Hai tư-nhân ký-kết với nhau bất kỳ về một việc gì cùng có thể thỏa-thuận cùng nhau để đặt một lệ chung cho hai người; và khi đã lập lệ nếu một người không theo thì người kia có quyền xin tòa-án bắt buộc phải giữ đúng như lời hứa. Pháp-luật chỉ can-thiệp vào sự giao dịch của tư-nhân để làm cho hiệp-uớc và chế-độ tư-sản có hiệu-nghiệm và cũng để tránh cho những hiệp ước ấy không phạm đến tự do của người khác.

Nhờ có sự tự-do lập-uớc và chế-độ tư-sản cá-nhân được giải-phóng để cạnh-tranh, để theo đuổi những quyền-lợi riêng của mình.

Những quyền lợi ấy được tôn-giáo và luân-lý công nhận nữa. Tôn giáo và luân lý không còn cho người có tư-sản to là một người đáng chê-trách, đã gây dựng địa-vị của mình bằng sự bóc-tước những người khác nữa.

Trong tinh-thần mới, sự nghèo nàn không phải tự nó là một điều đáng quý, và người ta không còn tin là « thiế-đáng chỉ dành cho những người nghèo » như trong thánh kinh G'ia-lô đã giảng.

Tuy tôn-giáo và luân-lý không coi sự giàu có là đạo-đức, nhưng cũng nhận rằng bên cạnh cái phạm-vi của đạo-đức còn có một phạm-vi khác, trong đó những lý-nhệ về luân-lý và tôn-

giáo không đáng kể. Theo ông Tawney tác-giả (người Anh) đã viết trong quyển « Tôn-giáo và nguồn gốc nền tư-bản » thì tư-tưởng kinh-tế thời trung-cổ và tư-tưởng kinh-tế cận đại khác nhau ở chỗ này: tư-tưởng cận-dại thì đứng về phương diện kinh-tế để phẩm-đoạn hành-động của tư-nhân phẩm đoán một chính-sách hay một lối tổ-chức; còn như tư-tưởng thời trung-cổ thì dựa vào chỗ lý nhẽ kinh-tế nào cũng phải đề dưới lý-nhẽ về luân-lý.

Ta hãy lấy làm thí-dụ sự định giá hàng hóa, nhân công hay tư-bản (tức là vốn). Trong xã-hội trung cổ bên Âu-châu thì tôn-giáo cấm ngặt sự cho vay lãi, bất kỳ là lãi nặng hay nhẹ và bắt các nhà sản-xuất phải định giá hàng cho công-bằng và giá công người làm cho công-bằng (juste prix, juste salaire). Sự công-bằng đây hiểu theo ý nghĩa của tôn-giáo và luân-lý đã định và người ta cũng không đề ý đến sự nó có lợi cho sự sản xuất và chuyên-dịch hay không vì luân-lý và tôn giáo điều khiển hết mọi sự hoạt-động của tư-nhân và của doanh thề. Trong xã-hội tư-bản thì người ta công-nhận rằng giá hàng, tiền công và tiền lãi hay là giá thuê vốn là những việc kinh-tế không có liên-can gì đến đạo đức; sự cao hạ của các thứ ấy định bởi luật cung cầu trên các thị-trường. Có như thế thì kinh-tế mới cải-cách luôn và luôn luôn tiến bộ được. — điều đó xã-hội tư-bản coi là mục-dịch của mọi công cuộc tổ chức xã-hội và chính-trị; nhưng xã-hội trung-cổ coi đó là điều phụ thuộc mà đạo đức và tín-ngưỡng mới là điều chính.

Vì quan-niệm ấy nên trong xã-hội tư-bản người ta biểu-dương những « đức tính về kinh tế » (vertus économiques) như tri sáng kiến, tinh tháo vát, sự hiểu biết trách nhiệm v. v. là những thứ mà các nhà đạo-đức cổ tì khi nói đến.

Xem thế thì khi nói đến nền tư-bản ta không nên đề cả trí vào những vấn-đề pháp-luật như tư-sản, thừa kế và tự-do lập-uớc. Tư-bản là một trạng-thái rất phức-lạp đã xuất-hiện trong lịch-sử nhân-loại; nó là một kỹ-thuật sản-xuất, giao dịch và tiêu thụ, và hơn thế nữa, nó là một lối nghĩ, một lối sống và tổ-chức sự sống.

Nếu ta hiểu hai chữ tư-bản theo nghĩa bao quát như thế thì ta thấy trên thế giới không phải nước nào cũng đã đến trình độ tư bản, mà nhiều khi trong một xứ không phải ngành kinh tế nào cũng đã tới trình độ tư-bản,; trái lại thường nền kinh tế nào cũng có những « khu » (secteur) tư-bản và những « khu » tiền tư bản hay chưa có dấu vết gì của tư bản.

(Còn nữa)

VŨ VĂN HIỀN

XÃ - HỘI VIỆT - NAM TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẦN

BÀI THỨ BẢY

IV. — Mariny

2) PHONG TỤC VÀ TÍNH NÉT NGƯỜI BẮC-KỶ

Khí hậu lạnh và tốt, đất cát phì nhiêu của xứ này đáng lẽ làm cho người dân có tính tình khoáng đạt thì hình như chỉ làm cho người họ lớn và khỏe mà thôi... Sự dè dặt biến họ thành những người rụt rè sợ hãi quá đáng. Cũng như dân Ý, họ có người to, tầm thước và nhỏ. Nhưng thân hình họ cân đối, tính nết thuần thực, nét mặt đều đặn dễ trông. Người thành thị da trắng hơn là nâu; người nhà quê da vàng xanh. Họ làm việc không biết mệt nhưng không chịu được sự đói túng, quan tâm đến sự vật hiện tại (mà họ cầm giữ được; đến những chuyện nhân tiền làm họ say mê) hơn là chuyện tương lai không ảnh hưởng gì đến thần trí họ và họ cho là xa quá, không thực hành được. Đây là xu hướng của họ. Đây là duyên cớ làm cho họ cần thận và giữ gìn trong những công chuyện có dính dáng đến quyền lợi của họ. Còn đối với những việc gì không liên can đến họ thì họ là hiện thân của sự nặng nề và sự lười biếng. Vì thế cho nên khi nào có việc công ích phải làm thì nhà vua giao phó cho những viên đốc công mẫn cán và nghiêm khắc, luôn luôn đốc thúc dân phu, mắt không rời họ lúc nào và không để họ nghỉ ngơi chốc lát.

Họ rất thông minh và có trí nhớ rất tốt, có lẽ không dân tộc nào hơn được; họ học rất dễ và dễ nhớ hơn những điều mà người ta giảng họ.

Bản tính họ tốt, nhũn nhặn; miễn là ta tỏ tình yêu mến họ là họ đem lòng tốt trao cho ta một nụ cười, một lời nói tử tế, một sự giúp đỡ con con và chút ít chứng cứ của lòng ta đối với họ là hoàn toàn thu phục được họ ngay.

Họ thàm nom và chiều dãi những người ngoại quốc, ước ao được xem những vật kỳ lạ và khi đã được xem rồi đòi xin cho kỳ được. Dáng điệu họ lễ phép; lời nói lại ôn tồn; nên khi muốn tỏ lòng biết ơn ai đã giúp đỡ, họ tỏ vẻ vui mừng và hết sức trả ơn. dù công việc có khó khăn nguy hiểm đến đâu cũng mặc.

Đàn bà hạ lưu, rất háms lợi, hàng hái theo đuôi lợi lộc nên một công chuyện gì, đã bất tiện và không hợp đôi với đàn ông rồi, thì khi vào tay đàn bà trở nên bại hoại và nguy hiểm.

Họ say mê việc buôn bán, luôn luôn bàn về việc bán, mua, lâu dần thành hư thân và trở tráo. Họ mất hết cả mực thước, điều độ và cho rằng có một công lệ đem áp dụng được vào các hàng hóa cũng như vào người. Họ chở thuyền, và chở bất cứ cái gì, chở dò sang ngang cho bất cứ ai ai, lúc có chồng tại thuyền hay chồng đi vắng cũng vậy. Trong những trường hợp này và phải luôn luôn giao thiệp như vậy, người đàn bà có suy nghĩ không? có lo giữ gìn danh giá không? và có thể tránh được sự sa ngã không? Đã có người hư hỏng vì tham món tiền nhỏ, hư hỏng cả những khi không có ai yêu cầu vì họ hi vọng sẽ được chút lợi nhỏ. Thằng hoặc có người bị chồng bắt được đã ở nhà người đàn ông khác trong ít lâu, thì có khi người chồng cũng không đau đớn, vợ chồng vì thế cũng không bất hòa, người chồng mong được chút lợi ghê tởm và khốn nạn đề cùng chung hưởng với vợ.

Nhưng ta chớ nên vội kết luận rằng tất cả đàn bà hạ lưu đều trụy lạc cả đâu. Chỉ những nơi nào đông người, có thuyền buôn ngoại quốc đến đậu họ mới hư hỏng thôi. Còn trong các thành thị và các làng, người (đường ngoài) sống dân dị, và lương thiện hơn và những chuyện tầm bậy của những kẻ đại dột thiếu hạnh kiểm không thể làm lu mờ và làm phật ý những bà mạc y phục dân dị cốt ý gìn giữ danh tiết hơn cả những đàn bà Âu châu và Đông phương. Có lẽ ta có thể trách họ dễ hư

chân đi đất nhưng phong tục ở đây như thế, hai nửa la đất đồng bằng mềm, dễ đi không có đá.

Trừ mặt và hai bàn tay để hở, họ bận một cái áo rộng, gần giống kiểu áo thầy tu, trên cổ rất hẹp, dài từ trên vai xuống hai bên chân; đầu đội nón không đeo mạng; vành nón rất rộng tựa như du che nắng lam bằng lá một thứ cây mọc trong xứ, tơ nọ sắp lên tơ kia rất khéo và khâu liền với nhau bằng một thứ giây lấy ở một cây thối gai như cây sậy. Nón bán khá đắt nhưng không có gì nhẹ hơn, tiện hơn để che nắng, hơn cả du vì du con phải cầm tay chớ nón đã có quai rất đẹp cũng lam bằng giây (khâu nón) buộc tư hai bên thanh xuống cầm để cho nón khỏi rơi du có gió mạnh.

Ngày tết dân ăn mặc rất đẹp, tai đeo «hoa» rất đắt và rất quý; cổ đeo nhiều chuỗi ngọc trai rất sinh; tay đeo vòng bằng vàng trắng bạc san hô; nhưng ngon tuy thì không bao giờ mang nhẫn. Áo bằng vải rất mịn hàng bougran, bông hay lụa, «lin», và một thứ hàng nữa gọi là Bo (vải bố?) mua ở Trung-Hoa sang và cũng mịn như những vải tốt nhất ở Hoà - Lan. Thường thường họ mặc áo mỏng vì quanh năm nóng bức trừ vài ngày rét buốt thôi. Họ không có lệ đánh phấn nhưng họ nhuộm răng hết sức đen (đàn ông cũng vậy) vì răng càng đen càng quý. Ngày xưa hồi còn nội thuộc nước Tàu, dân ông và dân bà còn bới tóc ngược, chải có thứ tự và bện bang lông đuôi ngựa, trên chum chiếc mũ; nhưng từ ngày họ được tự do, muốn tỏ rằng họ đã thoát-li và khác ý kiến với người Trung Quốc, họ để tóc giải, phủ xuống vai, không chải. Tóc càng đen, không buộc, giải và để hỗn độn bao nhiêu lại càng được chuộng. Những đào kép hát, hát bội thường để tóc như vậy, nhất là đào hát.

Đào nương rất nhiều và tập hát rất cẩn thận tuy không bao giờ họ hát hết bài. Ca nhạc thường réo rất ban đêm và các ca nương thường làm bọn đàn ông mất ngủ... Người Âu châu nào biết và hiểu tiếng, lại được tương âm nhạc ban xứ chắc sẽ thích lời nói, giọng ca, điệu hát hơn là bọn nữ nhạc của các bên ta và chắc sẽ được khen là một người xét đoán vô tình và không có dự vọng. Muốn được tiếng là tốt giọng và hát hay, họ giữ gìn giọng hết cẩn thận đến nỗi đã hẹn hát với ai, trong thời kỳ luyện tập, họ kiêng kỵ không đi lại với chồng hay nhân ngẫu nhĩ không ăn thịt vì sợ thịt làm sai, hỏng mất tiếng. Nhưng họ rất chuộng một thứ ếch, thịt ăn làm chong được giọng

Họ kiếm được rất lắm tiền chỉ nhờ về nghề hát. Nếu được đức Vua nghe thấy giọng ca và nếu họ làm được ngai vua ý thì họ sẽ được tuyển vào đội nữ nhạc của vua. Nếu họ có nhan sắc, ngoài giọng hát hay, họ sẽ được tuyển vào cung; nếu họ sinh được con gái thì chàng rể họ sẽ được kính trọng hơn, được thêm bổng lộc mà cậu con lại có hi vọng được lên làm vua, như những ông hoàng khác

Đàn ông không tốn tiền quần áo. Bọn dân đã suốt năm đi đất và dùng một miếng vải che chỗ mà lẽ ra họ phải đắp kín. Mùa hè giải. Suốt năm nóng, (trừ vài ngày gió bắc thổi hết sức lạnh) nên họ hết sức dăm sự may mặc. Tuy vậy quần áo họ vẫn có vẻ trang nghiêm và bề bệ. Người giàu có hoặc có ít nhiều quyền thế được tôn trọng mặc một chiếc áo lụa giải đến đầu gối (khác với bọn cùng dân mặc áo vải), ở trên phủ một chiếc áo giải nửa giống như áo ta mặc trong phòng ngủ, chấm đến cổ chân, tay rộng nửa sải và giải như áo; — Áo không mở như áo khách, vạt phải để lên vạt trái, nhưng vạt trái đặt lên vạt phải. Lại khác với người Trung Quốc dùng giải lụa buộc vạt phải lên sườn trái để lúc đi áo khỏi tỏa ra làm khó coi và trái với lễ độ, người Bắc kỳ buộc vạt áo cao lên bên trên háng chừng bốn ngón tay như thế áo kín hơn và dẽ hơn. Có thất lưng họ cũng buộc chếp cho áo thành ba bốn nếp giải ở dưới, để phân biệt các người với nhau. Nhưng khi nào họ phải vào chầu hay dự vào các cuộc hội hè, họ mới chếp áo thôi.

Áo các sư rộng hơn, may bằng vải hay lụa quý hơn. Mũ Ni hình tròn, cao hai ba ngón tay ở đằng sau có miếng vải cùng một thứ hàng, cùng một màu với mũ và che kín nửa vai, áo cà sa màu tím, hạt dẻ nhạt và sẫm phơn phớt hoa đào hay đen bóng; cũng có cái màu xanh, vàng hay đỏ hung.

Cũng có nhà sư mặc một thứ áo ngắn trên có nhiều đường thêu đối nhau lồng lộng thủy tinh hay pha lê ngũ sắc, óng ánh rất đẹp trong những dịp lễ lớn.

Người Bắc Kỳ chỉ dám ăn mặc ở Kinh kỳ, còn ở các tỉnh, và các làng khác, tuy họ không thiếu giáo dục, họ ăn mặc tồi tàn để cho người khác khỏi biết rằng họ giàu có và xung xuống để tránh cho quân gian phi khỏi đến cướp phá cho bọn quan lại khỏi đến sách nhiễu lợi dụng bắt chịu thuế má cao, đóng góp nặng.

N. T. P.

H IỂU được tâm-hồn một dân tộc là một điều vô cùng khó, nhất là dân - tộc đó lại là một dân - tộc đông phương ít đề lộ tinh-tinh ra ngoài nét mặt. Muốn thành-công phải là người có đủ can đảm đoạn tuyệt với cách sống từ trước, phá bỏ hết thành-kiến có sẵn, gột sạch cả tính của riêng mình. Vì thế những « thổ - dân » của Pierre Loti chỉ là những nhân-vật tưởng tượng mà những người Ấn Độ của Kipling chỉ là « những kẻ thô lỗ nhất, kỳ-quặc nhất, không đáng đề ý đến nhất », theo lời nhà phê-bình người Ấn Bhupal Singh.

Từ trước đến nay, riêng có một nhà văn có thể tự hào đã cảm-thông được với tâm-hồn một dân tộc đó là Lafcadio Hearn. Ông là người đã phát minh ra người Nhật-Bản, trong khi bao nhiêu người Âu khác vẫn còn coi dân đảo Phù-Lang là một dân-tộc kém văn minh, khéo bắt chước, chỉ chăm chăm chép lấy các chế - độ, phương - pháp, cách ăn mặc của ngoại-quốc, hí-hửng như đứa trẻ được mặc bộ áo lung-thụng của người lớn.

Hearn là người nước Anh. Ông sinh ngày 27 tháng sáu năm 1850 ở Santa-Maura, thuộc quần-đảo Ioniennes trong Địa-Trung-Hải. Đảo đó chính của Hi-Lạp nhưng hồi ấy đương bị Anh chiếm cứ. Cha là người xứ Ái - Nhĩ - Lan, làm thầy thuốc nhà binh chuyên khoa mổ sê. Nhân theo quân đội đến đóng ở Cerigo, trong quần đảo Ioniennes, bèn kết duyên với một thiếu-nữ trên đảo, con nhà giòng giõi, nhan sắc xinh đẹp. Cuộc nhân-duyên rất là lãng-mạn nên gia-đình thiếu-nữ chẳng ưng-thuận chút nào: người Anh với người Hi - Lạp lúc bấy giờ đương là kẻ nghịch-thù. Lấy nhau được năm năm thì Lafcadio Hearn ra đời. Những kỷ-niệm thuở nhỏ của Hearn toàn là những kỷ-niệm êm đềm: « Tôi còn nhớ đến một nơi, một thửa thần tiên mà mặt giời, mặt giăng to hơn bây giờ ... Giời thì xanh hơn, gần đất hơn... Bề thì như người sống thường nói lên thành tiếng, thành lời: gió mỗi khi chạm vào mình tôi làm tôi kêu lên vì sung sướng »

Nhưng sự sung-sướng đó không lâu. Viên thầy thuốc dời về Dublin ở nước Anh, mang theo cả vợ con. Lafcadio Hearn phải từ giã hòn đảo đầy ánh sáng để về sống trong một tỉnh thành quanh năm sương mù bao phủ. Bà mẹ không biết tiếng Anh nên phải sống một cuộc đời cô-độc, chẳng bạn không bè. Ông chồng lúc này lòng yêu đã nhạt, có ý ruồng bỏ vợ. Bà ta chán nản bèn bỏ chồng, bỏ con quay về chốn cũ, ở với cha mẹ. Cuộc tình-duyên đến đây dứt đoạn mà Hearn từ đấy hoá ra mồ côi mẹ.

Mẹ vừa đi khỏi, lập tức Hearn bị giao cho một bà cô mang sang xứ Galles trông nom. Hearn oán hận cha từ đó, nhớ thương mẹ vô cùng. Trong một bức thư gửi cho em Hearn viết những câu tha thiết như sau này: « ... Em có nhớ chăng nét mặt ngăm

MỘT NHÀ VĂN ANH Ở Á-DÔNG LAFCADIO HEARN

LÊ HUY VĂN

ngăm, xinh đẹp, hai con mắt to đen lánh như mắt một con hoẵng, vẫn thường cúi xuống chiếc nôi của em chẳng? Em có nhớ đến cái tiếng nói của ai mỗi tối bắt em bắt chéo ngón tay theo lối hi-lạp và nói mấy câu: Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần ... « Ta được như ngày nay cũng là nhờ mẹ. Trong lòng ta có chút nào cao thượng cũng của mẹ ban cho ... »

Bà cô là một người nghiêm-khắc, mộ đạo Thiên-Chúa chỉ chăm nghĩ đến việc đạo, sao những cả việc giáo-dục cháu. Hearn thừa bé, tính đã dễ xúc-động hay mê-hoảng, tưởng như lúc nào cũng có ma quỷ bên mình. Bà cô lại quá khắc nghiệt nên Hearn khổ sở vô cùng. Cho nên khi được gửi sang Pháp để theo học trường thầy Giòng thì Hearn sung sướng hết sức. Ở đó chàng học được tiếng Pháp dễ sau này dịch các áng danh-văn. Học đó ít lâu Hearn lại về học ở Ushaw gần Durham. Ở đó nhân một lúc chơi đùa, ông bị một cái nhai quạt ở mắt thành chột. Mục-tật làm ông thất-vọng, lo sợ xuất đời vì mắt càng ngày càng kém, đâm ra cận thị rất nặng.

Chính đương lúc bị khủng hoảng về tinh thần ấy mà ông giận nhau với cô, bỏ nhà ra đi, mới mười sáu tuổi đầu.

Từ đó cuộc đời lang bạt nay đây mai đó, nếm đủ các nỗi cực khổ chạp cay tưng đỏi, hết Luân Đôn lại sang Nữ-Uớc Cao mãi đến năm 21 mới gọi là vững chân đôi chút. Ông vốn là người giàu nghị-lực, tuy nghèo đói mà ông không quên học một ngày nào: các thư-viện không có khách đọc-sách nào chăm chú hơn ông.

Lưu lạc đến Gincinnati, bên Mỹ, ông làm đủ các nghề nào sắp chữ, chữa bản in, phóng viên. Năm 1874 ông bắt đầu nổi tiếng vì một thiên phóng sự đăng trong báo Enquirer nói đến chuyện một người Đức bị kẻ thù vứt sống vào trong lò lửa. Người ta

(1) Theo J. de Smet *Lafcadio Hearn* mercurT de France 1924.

để ý đến giọng văn mạnh mẽ, đầy hình ảnh, màu sắc của ông.

Nhưng Hearn vẫn khinh nghề viết báo, coi là một cách kiếm tiền trợ-thì. Bản ý của ông là viết sách. Ngay hồi đó ông đã tỏ ra là người ưa độc-lập có những tính tình khác hẳn người thường. Dân Mỹ vốn ghét những dân khác màu da, Hearn bị dân Cincinnati đề ý vì ra đi lại giao-thiệp với bọn phu khuân vác người mọi đen ở bến tàu. Nhân ông phải lòng một ả lai tây đen, nấu bếp cho nhà ông trọ, tờ báo Enquirer bèn mời ông ra khỏi cửa.

Ông bực mình, bèn tự mình xuất bản một tờ báo hài hước, nhưng chỉ đến số chín là báo phải đóng cửa. Ông bèn bỏ Cincinnati xuống Nouvelle-Orléans Sự khổ sở vẫn theo chân! ở tỉnh đó ông đã sống những ngày ghê gớm: « Nếu tôi quay lại nhìn khoảng đời tám năm về trước thì có đến hai mươi năm tôi nhận rõ được hình diện. Trên hình diện đó vẽ rõ các sự túng khổ nghèo cực, mỗi vẻ khổ một dáng riêng dễ nhận. Vẻ khổ nào cũng có thể tóm tắt lại: ý muốn và nghị lực bao giờ cũng bị ngăn cản, mục đích nào cũng không tới được, cầu khẩn điều gì không có đời nào thành... »

Tờ báo Times Democrat bắt đầu đăng những bản dịch pháp-văn của ông. Théophile Gautier, Guy de Maupassant, Balzac, Mérimée, Baudelaire, Loti Flaubert, Anatole France đều lần lượt được giới thiệu trên báo. Những tác phẩm đầu tiên của Hearn đều đăng trên tờ Times Democrat trước. Quyền truyện đầu tiên đáng chú ý là Chita do nhà Harpers magazine xuất bản. Chita là một chuyện có thật: một hòn đảo ở cửa sông Mississippi ngày mùng 10 tháng tám năm 1856 bị bão đổ cây nước tàn phá. Đảo này là chỗ nghỉ mát của phái thượng lưu miền Louisiane; một đứa con gái nhỏ thoát chết, được một nhà thuyền chài nuôi nấng. Vài năm sau, bố mẹ đứa bé giàu có tìm thấy con nhưng cô gái không muốn ép mình sống cuộc đời trưởng giả, trốn đi kết duyên với một gã thuyền chài.

Hearn không chú ý đến cốt truyện, chỉ mượn cơ đề tả phong cảnh và dân chúng ở các đảo nhỏ ở cửa sông Mississippi, nào Mã-Lai, nào Phi Luật Tân nào Khách.

Một việc xảy ra làm cho sách của Hearn càng nổi tiếng Ngày mùng 4 tháng 10 năm 1894 lại một trận bão đến quét sạch đảo Grande Isle và La Chesnière Hai nghìn người chết đuối, phần nhiều các nhà giàu ở Nouvelle-Orléans. Một đứa con gái thoát chết và lại được gia đình tin. y như trong chuyện.

Nhưng quyền tiểu-thuyết đó không làm cho Hearn mãn ý. Bản tình ông chỉ ưa những chỗ phong cảnh kỳ lạ.

Ông bèn nhận lời đi sang miền Guyane thuộc Anh và đảo Autilles để khảo-sát. Kết quả cuộc đi chơi đó là hai quyển sách: « *Two years in the French West Indies* » và « *Youma* » một quyển du-ký, một quyển tiểu-thuyết tả đời ở đồn-diên, cuộc sống của ông chủ với bọn nô-lệ. Nhưng vì khi-hậu ở hai nơi

rất hại cho sức khỏe nên Hearn lại phải quay về Mỹ. Lúc đó vào giữa năm 1889. Vài tháng sau ông đáp tàu sang Nhật, do nhà Harpers phái đi để thăm một nước mới lạ, viết cảm-tưởng gửi về.

Tài Lafcadio Hearn lúc này đương thời kỳ phát triển; sự kinh nghiệm của ông rất ròi rào. Cái học của ông vừa thâm trầm, đặc biệt do hai nền văn-minh địa trung hải với Anh-Cát-Lợi đúc nên, tài nhận xét, trí thông minh đủ là những đức-tinh của một người đi khảo-sát.

Lafcadio Hearn vốn từ trước không bao giờ để ý đến chuyện tiền nong nên lúc ra đi không xem kỹ giao kèo cẩn thận. Sang đến Nhật, ông mời hay rằng nhà Harpers bạc đãi ông vì cùng đi với ông có một họa-sĩ thi anh chàng này lương lại được gấp đôi. Lập tức ông xé giao kèo, từ chối không nhận cả những tiền lương nhà Harpers còn nợ từ trước.

Thế là một mình trên đất lạ, không bạn bè, thân thích, không một đồng xu nhỏ, giữa một dân-tộc chẳng yêu gì người ngoại-quốc! Cái dữ mà hóa cái may. Nhờ vì thế mà nước Nhật mới được Âu Mỹ biết đến. Nhờ vì thế mà sự nghiệp văn-chương của Lafcadio Hearn thành tựu. Đúng như lời ông Joseph de Smet nói: « Cái phong trào gây nên nước Nhật hiện đại đã vẽ ra từ hai mươi năm về trước Nhưng biết bao lâu người phương Tây không ai hiểu rõ quan-hệ thế nào. » Phải đợi Lafcadio Hearn thì người Nhật mới được phát-minh ra.

Chính vì cần phải tìm cách mưu sống ngay từ lúc đầu, nên Lafcadio Hearn mới đi sâu vào đời sống của dân tộc Phù-tang, đến ở tỉnh nhỏ là chỗ phong tục, tập quán còn giữ được vẻ trong trẻo ngày xưa Nếu ông ở chỗ tỉnh thành to, chung đụng với những người quen giao thiệp với người ngoại-quốc thì chắc ông đã thất vọng, chán nản. Cho nên mới làm quen với dân Nhật ông đã thấy yêu ngay Trong lá thư gửi về cho một người bạn gái ở Mỹ, ông viết rằng: Tôi tưởng một bức vẽ của Hokusai hay của những họa-sĩ khác còn có nghệ thuật hơn một tác phẩm vẽ sơn giá một vạn hay 10 vạn bạc. Chính chúng ta mới là kẻ mọi rợ ». Câu nói quá đáng nhưng đủ tỏ sự sốt sắng của Hearn đến bậc nào.

Ông xin được một chân giáo-sư Anh-văn ở trường trung-học Matsue, tỉnh Izumo, phía Tây-Bắc nước Nhật, đối diện với Cao-Ly. Mới đến Hearn đã làm quen với một thanh-niên theo đạo Phật, biết ít tiếng Anh, tên gọi Akira. Hai người đưa nhau đi thăm các đền đài, hội hè ở các chỗ danh lam biệt cảnh. Chung đụng lần đầu với dân thôn dã, Lafcadio Hearn yêu cái vẻ lễ phép, dân dị của họ, thấy rõ vẻ duy vật thô-bỉ của người Mỹ. Ông chỉ ở Izumo có mỗi một năm nhưng năm đó có lẽ là năm sung sướng nhất trong đời ông. Một năm sau khi bước chân lên đất Nhật ông đã cưới ngay một thiếu-nữ, con một nhà thuộc phái võ-sĩ tên gọi Setzu Koizumi.

Ông được học trò yêu mến vô cùng vì chính ông là một giáo-sư chăm chỉ. Một người học trò đó về

sau viết lại rằng : « Chúng tôi trước vẫn tưởng tiên-sinh là một vị giáo-sư tầm thường như bao giáo-sư khác. Chúng tôi chưa hay rằng tiên-sinh là một văn-sĩ đại danh, nhưng chúng tôi hiểu ngay rằng tiên sinh khác hẳn người thường, từ cách dạy cho đến cách hỏi chuyện... Chúng tôi dần dần kính trọng tiên-sinh một cách đặc biệt. Tiên - sinh giải diển lời nói vừa dân - dị, vừa sáng sủa, hiểu được ngay khác hẳn các người trước làm cho chúng tôi kinh ngạc, bắt chúng tôi phải đứng xa mà kính-trọng. Chúng tôi rất thích tiên-sinh : bài, diển giảng, phương-pháp, nói truyện tưởng như có đơm phép tiên ».

Hearn không những chú ý đến học-trò trong giờ dạy học mà còn giao-thiệp với họ ngoài học-đường, lúc tiếp ở nhà, lúc cùng dạo chơi quanh miền. Trong sách của ông có nhiều đoạn nói đến học sinh Nhật rất lý thú cảm động. Nước Nhật lúc đó mới duy tân nên coi trọng nhà giáo đặc biệt. Các giáo-sư cũng tự coi mình như có một trách-nhiệm thiêng liêng nên có người bỏ hẳn một phần số lương để giúp cho học trò nghèo có tiền ăn học. Người ta chịu khó chọn lọc trong các chốn thôn quê hẻo lánh những trẻ thông minh giúp đỡ cho ăn học. Chính Nhật-Hoàng cũng bỏ ra một phần lợi tức để vào việc giúp đỡ trò nghèo. Học sinh cũng hiểu rõ sự hi-sinh của cha mẹ, thầy, vua nên hết sức học hành. Trong quyển *Glimpses of un familiar Japan*, Hearn có kể chuyện một học-sinh vì học quá bị ốm gần chết. Đã mấy đêm mê man bất tỉnh, một đêm mùa đông hắt hắt tỉnh lại và tỏ ý muốn nhìn thấy trường học lần cuối cùng.

— Quá nửa đêm rồi ; giờ lại không trăng mà rét lắm.

— Không. Ánh sao cũng đủ để con nhìn rõ, con muốn nhìn lại nhà trường.

Cả nhà bàn tán một hồi rồi người ta mặc thêm áo cho cậu bé, để người lão bộc cũng đi qua những phố nhỏ, lạnh lẽo. Yokogi đã trông thấy trường hắt hắt rồi. Hôm sau thì người ta đưa đám hắt.

Ảnh hưởng của Hearn đối với học trò không nhỏ. Chính ông kể lại rằng ông có một đồ đệ rất thân Ochiai. Hắt ta mới theo đạo Thiên-Chúa, mộ đạo quá nên hồi ý kiến thầy xem có nên bỏ lòng tôn kính tổ tiên cùng vua đi không. Hearn viết thư giả nhời có câu rằng : «...Không bao giờ nên tỏ lòng bất kính đối với lăng tẩm vua chúa, với tổ-tiên, với tín ngưỡng của kẻ khác. Đạo Thiên-Chúa không có bắt ta phải bất kính. Chỉ có kẻ quá mộ đạo mới nói trái lại mà thôi...» Ochiai vì không nghe nhời Hearn nên bị anh em « tầy chay ». Hearn vẫn viết thư hết sức an ủi : « Học cố lên, đừng có nản ; Anh chỉ nên cố làm một người cao thượng, một người hoàn toàn ».

Nhưng sau này lúc lên dạy ở trường Đại Học Kumamoto và trường Cao-Đẳng Tokyo thì ông hơi chán nản vì các sinh viên nhớn tuổi hơn nên lạnh

lùng, dè dặt đường như thù hằn đối giáo-ư ngoại quốc. Tuy vậy lúc ông từ chức người ta mới thấy rằng họ rất có cảm tình đối với ông.

Lafcadio Hearn tuy hơi bất-mãn vì thái-độ của sinh-viên nhưng được hoàn toàn hưởng sự sung sướng của một gia-đình êm ấm. Setzu Koizumi, vợ ông, đối với chồng tiêu biểu cho cả vẻ đẹp về tinh thần của dân bà Nhật. Vì có vợ ấy, ông mới viết những trang về người đàn bà Phù-Tang rất sâu sắc, khen ngợi. Ông rất quý con, chăm nom việc giáo dục chung rất mực, thậm chí tự tay vẽ lấy các hình đề dạy học.

Ông thành hoàn toàn một người Nhật, ăn ở như một người bản-xứ. Trong một bức thư gửi cho bạn là Page M. Baker ông viết : « Đời sống hàng ngày của tôi rất dân dị, yên lặng, trong gian nhà Nhật rất tầm thường. Tôi chỉ dùng cái ghế để viết vì mắt tôi kém, còn thường tôi ngồi xếp xuống đất. Tất nhiên rằng tôi mặc quần áo Nhật ở nhà. Tôi nghỉ ngơi, ăn uống, đọc sách, nói chuyện, ngủ ở dưới đất... Sàn nhà sạch như lau như lý, không có một hạt bụi nào... ».

Chính Hearn lại nuôi cả gia đình nhà vợ chín người. Tuy vậy ông không hề phàn nàn dù lúc nào cũng túng thiếu.

Tuy biết rằng nếu mình xin nhập tịch dân Nhật thì sẽ mất nhiều quyền-lợi ông cũng xin ngay vì biết rằng nếu không thì vợ con sẽ là dân Anh, mà nếu là dân Anh thì vợ con sẽ phải sống trong những khu vực định sẵn, xa cách họ hàng, bạn hữu và sẽ không có của cải gì cả. Cho nên ông đành hy-sinh quốc-tịch và bằng lòng cho con thành những người Á-Đông không bao giờ được nhìn thấy Tây-phương.

Nhưng chính vì chuyện đó mà ông phải xin từ chức. Chính-phủ Nhật trước kia trọng đãi ông là vì thấy sách của ông viết, quảng cáo cho nước Nhật rất nhiều. Vì thế mới gọi ông lên trường Đại-Học Tokyo. Cho nên tuy ông là dân Nhật mà được giả lương hậu như một người ngoại quốc.

Nhưng về sau, ông viết văn càng ngày càng chậm lại. Văn càng già dặn, điều luyện chuộng những bài ngắn ngắn

Nhưng sức ông yếu dần, nên chưa kịp nhận lời đầu cả. Ngày 26 tháng 9 năm 1904 ông còn viết một

(Xem tiếp trang 25)

CẢI CHÍNH

Trong bài « Nhạc điệu trong thơ », có mấy chữ thơ nhà in sắp nhầm chắc các độc giả cũng đã tự chữa cho rồi :

Trang 12: *Đấy là một vệt*, xin đọc là: *Đấy là; Là là* là ngọn đông lân, xin đọc là : *Hắt Đường là ngọn..*

Verline : xin đọc là Verlaine.

Trong bài Văn chương trong hội họa chữ Beau-delaire, xin chữa lại là Baudelaire.

MỘT CUỘC TRANH-L

UẬN VỀ XÃ-HỘI SỬ...

TRONG khoảng năm 1928 đến 1937, sử học Trung Quốc đã bước vào một thời kỳ mới. Chưa hề bao giờ lịch-sử nước Tàu đã được người Tàu đặc biệt chú ý như trong mấy năm ấy. Và cũng chưa bao giờ, trong khoảng gần mười năm thời gian, số học giả chuyên tâm về sử khoa và những vấn đề có liên lạc đến sử học, đã nảy nở phồn-thịnh như vậy. Nhiều vấn đề Trung-quốc sử đã vượt ra ngoài phạm vi quốc giới, chủng giới mà chiếm một địa vị quan trọng trong tư-trào các nước ngoài. Gia nhập vào hàng ngũ con cháu Viêm, Hoàng một số khá đông sử gia ngoại-quốc cũng góp một phần công lao khá to trong lúc sưu tầm, phê phán sử liệu, và kiểm-điểm, định-chính sử-quan.

Phong-trào sử-học trong mười năm ấy đã gây lên một cuộc tranh-biến kịch-liệt về xã-hội-sử Trung quốc. Mục đích cuộc tranh biến là cốt đem tính cách xã-hội nước Tàu ngày nay, ngày xưa mà giải thích cho rõ. Cuộc thảo-luận đã nêu lên hai câu hỏi:

1-) Xã-hội Trung Quốc ngày-xưa có những đặc-sắc gì? —

2-) Xã-hội Trung quốc, sau lúc thế lực người Âu tràn qua Đông Á, đã biến tướng thế nào?

Cuộc sử-chiến này bao hàm hai ý nghĩa:

Về mặt chính trị, riêng trong phạm-vi Trung Quốc thì sau lúc Bắc-phạt đã thành công, các chính đảng lại lo khuếch-trương lực-lượng ở trong dân-chúng. Muốn đạt được mục đích, thế họ phải đem chứng cứ lịch-sử mà ủng-hộ cho chính-kiến. Trong những tranh-hợp tương-tự, các cuộc tranh đấu về chính trị cũng đã kích-thích và đạo-dẫn sử-học ở Âu trong thế kỷ thứ XIX đi tới một quãng đường tấn-bộ khá dài trên lịch-trình của khoa-học. Ở Tàu cũng vậy: các nhà lý-luận về sử-học trong mấy năm gần đây đã gia tâm nghiên cứu sử học. cũng có một mục đích là tìm trong kinh-nghiệm của dĩ-vãng một con đường đi xác-đáng cho tương-lai.

Về phương-diện tri-thức, thì từ cuối thế kỷ thứ XIX giờ đi, tinh-hần khoa học dần dà đã tiềm nhiệm vào tư-tưởng sử-học người Tàu, một ngày một sâu và lại những cuộc phát-kiến về khí-cụ ngày xưa. những bài phê-bình về văn-tự, sách vở các tiền-triều đã cung cấp cho học giả một kho tài-liệu đích xác dồi-dào. Cho nên phương pháp khoa học đã có thể ứng-dụng vào những sử liệu chắc chắn. Và từ nay giờ đi, cái hi vọng bỏ khuyết những «quãng-trắng» còn để lại trong bộ cổ-sử Trung Quốc, cũng không phải hoàn toàn là một mối không-tưởng nữa

Chính bấy nhiêu lý do đã cổ-lễ các nhà chuyên gia, các nhà ngôn-luận trong cuộc thảo-luận mười năm hồi ấy.

Xét trong nội-dung, thì hai vấn đề trên đây có liên quan với nhau. Nhưng chúng ta vẫn có thể đem hai câu hỏi ấy ra làm hai phần mà nghiên-cứu. Trong bài tổng-quát sau đây, chúng tôi sẽ tách hẳn vấn-đề «Xã-hội Trung quốc hiện-thời» ra ngoài và chỉ tóm tắt nội-dung và lịch-sử cuộc tranh-biến về phần cổ-sử.

Vấn đề cổ-sử trong cuộc biến-luật trảng-thiên vào khoảng 1928 — 1937, đã nêu lên ba vấn đề:

1-) Trạng-thái kinh tế của xã-hội Trung quốc về cổ thời là thế nào? —

2-) Chế độ nô-lệ ở Trung quốc thế nào?

3-) Chế độ phong-kiến ở Tàu đã trải qua những thời kỳ nào và có những đặc-điểm gì? —

Ba vấn đề này đều đã được các nhà sử-học đem ra thảo luận rất công-phu. Trước khi đem quan-điểm của các sử-gia mà đối-chiếu, tưởng nên đem lịch-sử cuộc «sử-luận-chiếu» mà tóm tắt lại.

Kể ra vấn-đề này ngày từ 1925 đã được các nhà sử học ở Nga lưu ý đến một cách gián tiếp. Từ 1925 đến 1927 thỉnh-thoảng đã thấy các nhà kinh tế-học như là E. Varga, các nhà chủ-báo như K. Radek đã phát biểu ý kiến họ trong những bài luận thuyết đăng ở các tờ tạp-chi hồi bấy giờ. Tuy vậy phần thì vì họ quá thiên về khuynh hướng chính-trị, phần thì vì quan-điểm của họ chưa có những chứng cứ đích xác, nên chỉ cuộc thảo-luận của họ chưa có thể có những tiếng dội mạnh mẽ trong tư-trào sử-giới.

Mãi đến 1928 vấn đề lịch-sử, xã-hội Tàu trong cổ-đại mới bắt đầu được đề khởi ra một cách rành-mạch. Người đầu tiên đã đem bấy nhiêu vấn đề ra thảo luận ở Trung quốc là nhà sử gia Tàu Quách Mạt Nhựt.

Một bài nghiên-cứu về «vấn đề kinh-tế trong xã-hội nước Tàu ngày xưa» của Quách viết vào ngày tháng Mai 1928 đã làm chấn động dư luận sử-giới ngay lúc đầu tiên. Rồi tiếp tục Quách viết thêm nhiều bài lý-luận khác về vấn-đề cổ-sử. Mấy bài báo ấy về sau Quách sưu tập lại và phụ đính thêm một ít nữa, thành bộ «Trung quốc cổ-đại xã-hội nghiên cứu» (1929) «Nul n'est prophète en son pays.» Số phân bộ-sách của họ Quách trong mấy năm đầu đến vất vả! Chỉ vì tác-phẩm ấy đã chứa chan tinh-thần tự tin của tác-giả, chỉ vì quan-điểm của Quách, có những ý-kiến quá mới mẻ, mà nhiều người đã lạng cho Quách cái huy-hiệu là Âu-cách

tư đệ nhĩ.» (Engels II.) (1) Thậm-chí nhiều sử gia, phê-bình gia mỗi một lúc bàn đến vấn đề xã-hội sử ở Trung quốc thì trước hết là «Kéo Quách Mạt Nhựt ra chửi một mẻ đã rồi hẵng nói chuyện»!

Nhưng xét ra Quách chỉ vì giàu lòng nhiệt thành mà gây nên những mối ác cảm đó. Quách đã cố công nghiên cứu đề «làm một việc người trước chưa làm» (phân tích xã hội cổ thời nước Tàu).

Quan điểm của Quách cổ nhiên còn nhiều chỗ khuyết điểm. Nhưng chưa nói đến công trình của Quách trong lúc nghiên cứu văn tự, sách vở và khí cụ đời xưa, ta cũng phải nhận rằng hoài-bạo của Quách vẫn là chính đáng. Trước hết Quách phản-đối những thiên kiến dân-tộc về sử-quan; Quách-nói: «Người Tàu vẫn có một câu nói luôn luôn ở cửa miệng — «Khẩu-đầu-thiên»; họ vẫn nói: «Tinh hình nước ta khác.» Nhưng người Tàu không phải là thần-thánh cũng không phải là bầy khỉ vượn thì xã-hội của người Tàu đã tổ-chức nên, tưởng cũng không có gì là khác hẳn với xã hội nước khác được!»

Nghĩa là nói: có thể đem phương-pháp sử-học và những quy-luật của sử khoa đã ứng dụng ở sử-học các nước mà nghiên cứu Trung-quốc-sử. Quách lại tuyên bố: «giải thích xã-hội Trung Quốc cho rõ ràng không phải là một việc mà người ngoại quốc đã dễ làm xong.» Số là «Sử liệu, văn tự của Trung Quốc và quy mô sinh hoạt của Trung quốc thì chỉ có tự người Trung quốc mới lĩnh hội được một cách xác thực, sát sòng».

Từ 1936 giờ đi, các nhà sử học sẽ công nhận công-lao và địa vị quan trọng của Quách Mạt-Nhựt trong sử-giới ngày nay.

Cũng trong năm 1928, chính-phủ Xô-Nga lập hẳn một cơ-quan nghiên-cứu về vấn-đề Trung-Quốc. Ngoài những nhà học-giả đã có tên tuổi kể trên, tham-gia vào các cuộc thảo luận còn những nhân-vật như Ryazanov, L. Madjar, L. Dubrovsky và Wittfogel, là một nhà sử-gia người Đức chuyên môn về vấn-đề Trung-Quốc sử. Đại khái L. Dubrovsky thì chú ý đặc biệt về vấn-đề thương-nghiệp còn mấy nhà sử khác thì chú trọng đến chế độ nông-nô trong xã-hội Trung Quốc. Trung-tâm-điểm

(1) Ý nói Quách muốn gây một thế lực độc-đoán trong sử-giới và muốn đem học thuyết Engels mà làm một cơ sở truyền-thống.

cuộc thảo-luận là vấn-đề sinh-sản trong chế-độ kinh-tế thời cổ.

Đồng thời ở Nhật cũng có nhiều nhà lưu tâm đến cổ-sử Trung-Quốc. Bốn nhà sử có công lao hơn hết là Dạ Lữ Vinh-Thái-Lang, Phục-bộ Chi-tổng, Bình-diễn Lương vệ và Vũ đẳng Hoàn-Nam. Bốn người này đầu tiên đã đem vấn đề xã-hội sử Trung-Quốc ra mà phê-bình. (1928).

Đại biểu cho sử-giới Tàu thời kỳ ấy (1928-1930), ngoài Quách-mạt-Nhựt ra còn một tay tức-học nữa là Đào-hy-Thánh. Đào là tác-giả hai bộ thông-sử mà hiện nay các nhà nghiên-cứu vẫn thường nhắc đến là «Trung-Quốc xã-hội chí sử dich-phân-tích» và «Trung-Quốc xã-hội sử» (1929). Đáng tiếc là chỉ vì khinh-thị vấn-đề phương pháp luận trong sử-học, mà thành ra Đào-hy-Thánh luôn luôn tự mình lại mâu-thuẫn với mình. Về sau, nhiều nhà phê-bình vẫn mục cho Đào là một «khối óc huyền-học», «thiếu cả thường-thức» và chỉ «nói càn nói xiên».

Nhận rõ nội-dung cuộc tranh-biến trong thời-kỳ thứ nhất (1928-1930) của cuộc «sử-chiến» này, ta thấy rằng: vấn đề phương-pháp là một khuyết

TRUNG QUỐC

ĐẶNG THÁI MAI

điểm to của các nhà sử hồi ấy. Phạm-vi vấn-đề đã đưa ra thảo luận hồi bấy giờ quá rộng, mà không mấy ai chịu ấn-định giới-hạn vấn đề trong những câu giới-thuyết phân-minh. Trong bài này, chúng tôi đã phải bỏ ra ngoài nhiều nhân-vật không đáng chú-ý cho lắm. Số là lúc đề-nghị đến một vấn-đề, không những là họ không có một ít kiến thức phổ-thông, mà họ lại không chịu bình-tình mà thảo-luận, lấy sử-liệu làm căn cứ, lấy chân lý làm mục-dịch. Thành ra có những thái-độ võ-cóan, những luận-điệu nguy-biến đáng tiếc. Họ chỉ đem ý kiến của phái mình mà khoa-tư-trong. Mỗi một lời nói của danh-nhơn ngày trước họ dẫn ra, họ muốn buộc người ta phải tin như những lời kinh-thánh, chứ không hề chịu khó đem danh ngôn người trước mà đối-chiếu với sự thực. Hình như họ không hề tưởng-lượng rằng: Nếu như trên mặt quả đất ta, mà có những hòn đá mà lúc rơi xuống không theo chiều của trọng-tâm quả đất, thì nhất định là New

ton làm, chứ hòn đá không làm ! Và ta phải đem cái luật « vũ trụ hấp lực » ra mà đánh chính chứ không có thể đi « đánh-chinh » hòn đá (1).

Lúc tranh biện, nếu mình có lầm lỗi thì ráu sức rán hơi mà nói liều nói liều, che đầu che đuôi, còn người ta có hớ một tí thì đem ra đùa bỡn đủ mọi dạng. Ấy nhưng ai chẳng biết rằng: điệu nói phúng-thích chỉ là một thứ khí-giới của kẻ bại trận. Đùa bỡn, cười gằn, họa ehăng có hề vót vát một đôi chút thề-diện chứ không có thể đưa đến một cuộc đắc thắng vẻ-vang. Hà-cán-Chi nói rất đúng :

Cứ cãi giằng co như vậy, thì tưởng có « đại náo » luôn « một nghìn đêm, lại một đêm nữa » cũng vẫn không có hy vọng gì tìm ra lẽ phải.

...

Từ năm 1930 giở đi, cuộc « sử-luận chiến » đã có hệ-thống rành mạch hơn trước. Năm 1930 sau một cuộc đại-hội sử-giới ở Nga L. Madjar bắt đầu phân tích chế độ kinh tế của cổ-đại nước Tàu, trong một bản « sử-luận đại-cương về vấn-đề kinh-tế nước Tàu. Bộ « Tỉnh-diễn luận » của Kokin và Popoyan, và bài đại-luận của Yolk về phương-pháp sinh-sản trong giai-đoạn « Á-tế-Á » (1931) cũng tiếp-tục xuất bản.

Năm 1931 cơ quan « Đông-Dương học hội » và Đông Dương nghiên-cứu sở ở Leningrad lại triệu-tập một cuộc thảo luận mới. Sau cuộc thảo luận này, quan điểm của Botscharov và Mitin đã chi-phối được sử-giới Liên xô về mặt kinh-tế chuyên-sử.

Đến năm 1933, cũng ở Leningrad, sở nghiên-cứu Vật-chất văn-hóa-sử lại triệu tập một cuộc hội-nghị khác nữa. Hồi bấy giờ cuộc thảo luận chú ý đến vấn-đề chia thời-kỳ trong cổ-sử.

Sau mấy cuộc đại-hội này, các cơ quan nghiên cứu của chính-phủ Liên-Xô đã cho ấn hành mấy tác-phẩm có giá-trị :

- Vấn đề sinh sản trong « giai-đoạn Á-tế-Á » (1931)
- Xã-hội cổ-đại (1930-1934).
- Đông-Dương phong kiến sử (1933).
- Xã hội Á-tế-Á trong thời-kỳ tiền tư bản chủ nghĩa (1935).

Năm 1930, ở Nhật-bản một nhà sử-học là Tsuru-dao nhất-phu góp nhặt bao nhiêu tài liệu ở Tàu và ở Nga mà xếp đặt theo hệ thống. Cuộc thảo-luận lại tiếp tục từ 1932. Các nhà sử-học Nhật bây giờ chia ra làm bốn phái. Những sản phẩm quan trọng hơn hết hồi bấy giờ là :

Trung Quốc Xã hội sơ dĩch chưa vấn-đề (đăng ở tạp-chí Lịch-sử Khoa học (1934) Sâm-cốc-khắc-dĩ).

Lịch-sử Khoa học đích phương-pháp luận (1935) (Trương-Xuyên Xuân-hỉ.)

Cổ-đại xã-hội sử (1936) (Tảo Xuyên Nhĩ-lang)

Các nhà sử-học Nhật-Bản chú trọng đến vấn-đề

phương-pháp sử-học, và chế độ tiến-cống trong kinh-tế sử Trung-Quốc.

« Lão tướng » trong cuộc sử-luận chiến ở Tàu trước sau vẫn là Quách Mạt-Nhược. Quách vẫn cố công nghiên cứu trong văn-tự, kinh truyện và khí cụ cổ-đại để tìm những dấu-vết xã hội nước Tàu trong đời Hạ, Thương và Chu. Năm 1936, thi trong một bài sử-luận đề là « Xã hội phát triển giai đoạn chi tàn nhận thức » Quách Mạt-Nhược đã đánh chính lại một ít quan điểm ngày trước của Quách. Các nhà sử-học cũng đã dần dần thấy rõ công lao của Quách đối với cổ-sử. Ngoài bộ « Trung-Quốc cổ đại xã hội nghiên cứu » Quách còn viết năm bản sách khác về công cuộc nghiên cứu văn-tự-giáp-cổ, về đồ đồng-xanh, về các bốc-từ (lời bói) và những hệ-thống kim-văn đời Chu

Ngoài Quách Mạt-Nhược ra còn có các nhà sử khác cũng trong thời kỳ ấy đã phát hành được ít sách vở có công phu và nhiều ý kiến mới. Nên chú ý đến các tác-phẩm của Lữ Chấn-Vũ như bộ « Sử-tiên kỳ Trung Quốc xã hội nghiên-cứu » (1934) và của Lý Quý. Lý là một tay kiện-tướng đã nổi tiếng trong mấy bài công kích Cổ Hiệt-Cương, Chu dư-Đổng, Đinh văn-Giang, Hồ-Thích, Tiền Huyền-Đổng và Anderson. (Đăng ở Độc-thư tạp-chí và sau lúc tờ tạp-chí này đình bản (1934) đã đem ấn hành thành bộ sách « Trung-Quốc xã hội sử luận-chiến phê-phán.

Đại-khái ý nghĩa, nội dung và lịch sử cuộc sử luận chiến 1928 1937 là thế. Kết thúc mấy cuộc thảo luận và bút chiến, năm 1937, Hà cán chi đã viết luôn mấy bài ở tờ Tạp chí « Đại học-tự tu » (gọi tắt là : Tự Tu) và hai bộ sách : Trung quốc xã-hội tính chất vấn đề luận chiến » và « Trung quốc xã hội sử vấn đề luận chiến » (1937) Hai bộ sách này có thể bổ ích nhiều cho những người muốn nghiên cứu về sử học nước Tàu trong mấy năm gần đây. Hà cán-chi đã chỉ cho ta biết ba cái thành tích của cuộc « sử luận chiến » này : Các cuộc thảo luận đã cho ta nhận thấy :

1o) Chế độ chiến-công là đặc sắc của xã-hội cộng đồng nguyên-thủy ở Tàu trong thời cổ.

2o) Vì chế độ nô-lệ ở Tàu không phát tr ền như bên Âu nên chế-độ phong-kiến cũng không phát triển một cách thành thục.

3o) Cũng vì chế độ công-xã không thủ tiêu, chế độ phong kiến không phát triển cực điểm mà nông thôn ở Tàu thành ra chỉ sinh hoạt trong tình trạng cô lập « bế quan tự thủ » và cũng vì bấy nhiêu yếu tố căn bản của kinh tế không bị ảnh hưởng chính trị xô xát một cách mạnh mẽ, nên chỉ thủ công nghệ của xã-hội phong kiến Tàu trước lúc thế-lực người Âu tràn qua Đông Á, chưa có thể bước vào thời kỳ công nghiệp công sường.

(1) Lương-sái-Minh. — Đông tây văn-hóa cập kỳ triết-học.

Ở Nhật - Bản, Ấn-Độ, Nam Dương quần đảo, vấn-đề ăn uống đã được khảo-cứu tường tận, vì người ta xét ra rằng nhiều bệnh sinh ra bởi ăn uống thiếu thốn, hoặc về phẩm hoặc về lượng. Người mình ít ai lưu tâm đến vấn-đề dân-sinh ấy. Gần đây, viện Pasteur đã khảo-cứu đến nhiều món ăn của người Việt-

nam, phân-tích từng món một và thảo ra những thực-đơn cho những phụ - phen làm trong các đồn-điền cao-su hay các ruộng thợ của sở Lục-Lộ. Trong bài này, tôi giới-thiệu với các độc-giả công việc khảo-cứu ấy. Ta sẽ nhận ra rằng nhiều món ăn ta coi thường vì rẻ tiền, có khi về phương - diện hóa - học, rất bổ - ích hơn những cao-lương mỹ vị quý giá.

Đồ ăn có thể chia ra làm ba thứ chính : một là đạm - chất, tây - học gọi là protides ; hai là chất có đường (glucides), ba là chất mỡ (lipides).

1-) Chất protides là phần cốt - yếu trong cơ-thể người ta : 50% các chất trong người là bằng protides ; song không phải đạm-chất nào cũng giống nhau đâu : thân-thể rất cần một số ít protides có đặc-tính riêng, như histidine, tryptophane, không thể lấy một đạm-chất khác thay vào được.

Người nhón mỗi ngày phải tiêu-thụ một số đạm-chất tính ra mỗi một kilo người ta là 1gr25.

Trẻ con dưới sáu tuổi mỗi ngày phải cần tới bốn lần số ấy.

Mỗi gramme đạm-chất sinh ra sức nóng là 3,68 calories.

2-) Chất có đường (glucides) phần nhiều lấy ở các thảo-mộc ra, còn chất protides thường lấy ở thú-vật.

Mỗi gramme chất đường sinh ra sức nóng được là 3,88 calories.

LƯỢC KHẢO VỀ CÁCH ĂN UỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

NGUYỄN ĐÌNH HẢO

3-) Chất mỡ (lipides) sinh ra sức nóng rất nhiều, mỗi gramme được 8,45 calories. Những chất cơ-thể tích trữ lại phần nhiều làm thành chất mỡ cả.

Những đồ ăn ta dùng hàng ngày như cơm, thịt, trứng, cá, sữa, rau, đều có ba chất cần-thiết ấy (chọn lẫn với nhau, nhiều ít tùy theo từng món ăn.

Ngoài ra còn vài chất nữa, tuy ít nhưng không phải là không cần-thiết cho sự sống.

4-) Các chất muối, như muối bẽ (chlorure de sodium), chất vôi (calcium), lân-linh (phosphore), diêm sinh (soufre), đều có ích cho sự bồi-bổ của thân-thể cả.

5-) Gần đây, người ta rất chú-ý đến các sinh-tổ (vitamine) : trong một bữa ăn, các chất này rất ít, nhưng thiếu nó thì các món ăn mất nhiều những tính-chất để bổ-dưỡng các cơ-quan trong người. Hiện đã khảo-cứu ra những sinh-tổ này :

a) Vitamine A có ở gan cá bẽ (cá thu), bơ (beurre), trứng. Có vitamine này thì thân-thể mới nở nang được.

b) Vitamine B có ở men rượu bia, ở cam, ở hạt đậu. Vitamine này giữ cho khỏi bệnh tê.

c) Vitamine C có ở chanh, cam, cà-chua, các thứ rau. Thiếu vitamine C thì sinh ra bệnh chảy máu khắp người.

d) Vitamine D (ở dầu cá, trứng, sữa, bơ) làm cho xương được cứng cáp.

e) Vitamine E có trong dầu lấy ở các mầm lúa : thiếu nó thì sự sinh-nở sẽ kém đi nhiều.

Người ta còn tìm ra những vitamine P-P, vitamine K nữa.

Đại-dề thì các món ăn của người ta đều có những chất yếu-tổ ấy. Bây giờ ta thử xét xem những món ăn của người Nam mình về phương-diện sinh-lý học, có đủ những chất ấy không.

Những đồ ăn của ta thường là : gạo, ngô, thịt, cá, nước mắm, tương, rau, khoai.

1-) Gạo là căn-bản cho sự sống của người Nam. Theo bản thống - kê gần đây, thì mỗi người ăn một năm hết 200 kilos gạo, tức mỗi ngày là hơn 500 grammes.

Trong gạo có 79,59% chất đường (glucides), 0,72% chất mỡ (lipides), và 8,10% chất đạm (protides). Gạo say dối có rất nhiều vitamine B, nếu say kỹ quá thì mất hết vitamine ấy.

Một trăm gramme gạo sinh ra được 350 calories hơi nóng.

2-) Thịt ta thường ăn là thịt lợn. Thịt bò thì phần nhiều ở các thành-thị mới có. Ngoài ra, người ta còn ăn thịt trâu, thịt gà, thịt vịt, trứng gà, trứng vịt.

3-) Ta hay ăn cá, cua, tôm.

4-) Nước mắm là món ăn cần - thiết của các gia-đình Việt-nam. Không một bữa cơm nào của người Nam là không có một chén nước mắm.

Nước mắm làm bằng cá nên có nhiều đạm-chất (protides), có cả những chất đặc-biệt như histidine và tryptophane rất cần-thiết cho thân thể người. Song chất đạm có nhiều hay ít tùy theo thứ nước mắm; nước mắm Phan-thiết có đến 20%, nước mắm Phú-quốc có 18%, còn ở Bắc-kỳ có thứ nước mắm chỉ có 5% thôi. Theo nghị - định quan Toàn - quyền thì một litre nước mắm ở trong Nam ít ra phải có 15 grammes chất Azote, ở ngoài Bắc có thể chỉ có 5 grammes Azote thôi.

Trong nước mắm, có muối bẽ (chlorure de sodium) từ 26gr2% đến 24gr2%, tùy theo từng hạng, hạng càng sâu càng nhiều muối.

Ngoài những chất vừa kể trên, người ta còn tìm thấy trong nước mắm cả vitamine, lân-tinh (phosphore), và vôi (calcium) nữa. Mỗi lít nước mắm tốt có đến 300 milligrammes lân-tinh.

5-) Một gia-vị hay dùng ở Bắc-kỳ là mắm-tôm, làm bằng tôm đông may tôm bẽ.

Trong mỗi lít mắm tôm có 26gr azote và 180 grammes muối.

6-) Một gia-vị khác thường dùng nữa là tương.

LU'ỢC KHẢO VỀ

DANH-VĂN NGOẠI QUỐC

OSCAR WILDE

TU' - TU'ỎNG VÌ NGHỆ - THUẬT

Theo phái tả chân thì mục đích nghệ thuật là ghi lại sự thực, những hình thể, màu sắc, những phát triển của sự sống. Nghệ thuật « chép lại » đời sống và tạo hóa: họa sĩ vẽ một cảnh thực; nhà điêu khắc trạm một pho tượng hình dung một sinh vật có thực ở tạo hóa; nhà văn mô tả nhân vật và đời sống hàng ngày.

Oscar Wilde (nhà mỹ học Anh-cát-lợi về thế kỷ 19) phản đối thuyết tả chân và cho rằng ở gốc sự kết tạo nghệ-thuật bao giờ cũng phải có tưởng tượng. Nghệ sĩ sống ở trong thế giới của họ và không cần đề ý đến sự thực xung quanh. Họ tạo những nhân vật, những cảnh, theo tưởng tượng của họ, không bị bó buộc bởi sự bất chước một kiểu mẫu gì. Rồi đời sống sẽ đi theo họ rồi tạo hóa sẽ phổ trương theo ý muốn của họ. Trái lại với tư tưởng thông thường, ta có thể nói rằng đời sống và tạo hóa « chép lại » nghệ thuật.

D. G. T.

ĐỜI SỐNG CHÉP NGHỆ THUẬT

ĐỜI sống chép nghệ thuật nhiều hơn là nghệ thuật chép đời sống. Một nghệ sĩ đại tài sáng tạo một kiểu mẫu mà đời sống, như một nhà xuất bản tài trí, cố gắng chép lấy và diễn lại theo một thể thông thường.

Cải thiện năng sắc sảo của người Hy-Lạp đã hiểu rõ điều đó nên họ thường để trong phòng ngủ của vợ chồng một pho tượng hình dung Hermès hoặc Apollon, để cho người vợ sinh được những đứa con đẹp như tác-phẩm mỹ thuật đã luôn luôn hiển cho mắt người đàn-bà đó trong những giờ say sưa và đau đớn. Họ hiểu rằng đời không những mượn của nghệ thuật linh tinh, sự sâu sắc trong tư tưởng và cảm tình, nổi rồi ren hoặc yền ôn của tâm hồn, mà đời sống còn có thể rập khuôn theo cả những đường vẽ và màu sắc của nghệ thuật, nó còn có thể mô phỏng lại cái oai nghi của Phidias, cũng như cái dáng đẹp của Praxitèle... Họ cho rằng tả chân không sao tránh khỏi feo rắc xấu xa, mà nghĩ như thế là tri lý lắm. Nếu ta cố làm cho nó giống được giới giang hơn lên thì ta nên cho những tầng lớp thấp kém của xã hội, khi giới tốt,

ánh sáng, nước trong sạch, tất cả những cái gì đem lại sức khỏe chứ không phải đẹp để. Căn đến đẹp thì ta phải hỏi nghệ thuật, và những đề tử thực của một đại nghệ sĩ không phải là những người bắt chước họ trong xưởng làm việc, mà là những kẻ trở nên giống hệt như những sáng tác của họ... Nói tóm lại, đời sống là người học trò tốt nhất và là người học trò độc nhất của Nghệ-Thuật.

Ở trong văn chương cũng như trong các nghệ thuật tả hình thể, cũng vẫn nguyên một sự thực ấy. Ta có thể thấy một chứng cứ rõ rệt nhất và tầm thường nhất của chân lý đó ở sự những đứa trẻ ngu tặc kia, sau khi đọc truyện mạo hiểm ly kỳ của Jack Sheppard hoặc của Dick Turpin, đã rủ nhau đi cướp phá cửa hàng của một chị hàng táo khốn nạn và vô tội.

Shakespeare phân tích nỗi sâu chán đời của thời cận đại, nhưng chính Hamlet đã tạo ra nó. Thế giới trở nên sâu muộn bởi chứng ngày kia một trò rôt đã vẩn vơ buồn. Kẻ hoài-nghĩ vô thần đạo, hạng người chịu khổ nhục mà

(Xem tiếp trang 18)

Tương làm bằng đậu-tương (soja), có nhiều chất - đạm (protide) và chất mỡ (lipide) hơn gạo. Phân chất gạo và đậu tương, thì có những chất protide, glucide, lipide như sau này:

	Gạo	Đậu-tương
Protides	8,10%	39,23%
Lipides	0,72	16,93
Glucides	79,59	12,22

Đem phân-chất tương thì thấy có ít muối và ít azote hơn nước mắm, có chất mỡ, vôi, phosphore.

Nước mắm hạng vừa Nước tương

Chlorure de sodium (muối)	114,70%	231,50%
Phosphates	1,25	1,17
Protides (chất đạm)	45,62	58,25

Nói tóm lại thì tương có nhiều nguyên-chất của nước mắm và có thể dùng thay nước mắm được.

Ta còn dùng đậu-tương để làm đậu-phụ, ăn sống, rán hoặc kho tương hay kho nước mắm.

Đem phân chất đậu-phụ thì thấy như sau này:

Chlorure de sodium (muối)	0,02%
Phosphate	0,13
Protides (chất đạm)	11,43
Lipides (chất mỡ)	5,66
Glucides (chất đường)	0,49

Nghĩa là trong đậu-phụ rất ít muối, ít chất đường, nhưng rất nhiều chất đạm và chất mỡ.

7) Rau ăn thường nhất là rau muống, trong có nhiều vitamine C.

Ta còn ăn khoai sọ, củ từ, khoai lang. Trong khoai lang có chất amidon, nhiều vitamine C hơn cả khoai tây, khoai lang nghệ lại có cả vitamine A nữa.

Đậu xanh có nhiều vitamine B.

Chuối có vitamine C và A.

Đại-lược thì những món ăn của những gia-đình hoàn-toàn sống theo cách An-nam, đem phân-chất theo cách Lóa-học thì kết quả như thế. Trong một bài sau, ta sẽ xét xem về phương-diện sinh-lý học, ta dùng những món ăn ấy trong những bữa cơm hàng ngày có hợp lý không.

NGUYỄN ĐÌNH HẢO

CÁCH ĂN UỐNG

== TƯ TƯỞNG VỀ NGHỆ THUẬT ==

(Tiếp theo trang 17)

trong lòng không tin nguỡng, bước chân lên đoạn đầu đài không hăng hái sốt sắng và chết vì một cái gì họ không tin yêu, kẻ đó thực là một sản phẩm của văn chương. Tourguenieff đã sáng kiến ra nó và Dostoievsky thêm thắt làm cho bộ mặt nó dày dủ. Robespierre đã ở những trang của Robespierre bước ra, Văn chương bao giờ cũng lẩn chân đi trước đời sống; nó không bál chước hết đời sống, nhưng nó thích hợp với đời sống những mục đích của nó. Thế kỷ thứ 19 một phần lớn do óc của Balzac tạo thành, chắc ai cũng rõ.

Mục đích giảng dẫn của tôi là làm tỏ cái nguyên tác đại cương sau này: đời sống bắt chước nghệ thuật hơn là nghệ thuật bắt chước đời sống. Đời dơ tấm gương ra đón lấy hình Nghệ-Thuật và phồng lại một kiểu mẫu lạ-lùng cấu tạo trong tưởng tượng của họa sĩ, của nhà điêu khắc, hoặc cho niềm mơ của huyền tượng một hình thể thực hiện. Theo khoa học thì căn bản của sự sống, — nghị lực của sự sống, theo như lời nói của Aristotle, — là sự cầu phỏ diễn, và nghệ thuật bao giờ cũng hiện những hình thể phiến phức trong đó sự cầu muốn kia có thể thực hiện được. Sự sống vội bám lấy để dùng những hình thể ấy mặc dầu có khi bị hại thân. Đã có những thanh niên bát trước Rolla tự vẫn, hoặc tự dùng tay mình giết mình bởi chưng Werther đã tự tay chàng kết liễu đời chàng.

OSCAR WILDE (Intentions: The decay of lying)

ĐINH GIA TRINH dịch

DẪN GIẢI. — Oscar Wilde, bằng vào một sự nhận xét thông thường mà dựng nên cả một thuyết về sự liên lạc giữa nghệ thuật và đời sống. Những đứa trẻ đọc tiểu thuyết của Jack Sheppard hoặc Dick Turpin rồi đi phá phách một cửa hàng hoa quả, để hành vi bất như những nhân vật trong truyện, khiến ta nghĩ tới những trẻ con nước ta đầu kiếm hoặc đi vào núi tìm linh đơn sau khi đọc tiểu thuyết kiếm hiệp hoặc thần kỳ. Có những kẻ bỏ gia đình, khoa một cái áo toi hiệp khách đi giang hồ, là bởi vì đã có một chàng Hernani, những nhân vật Thủy-hử, và những nhân vật lãng mạn của tiểu thuyết Việt-nam cận đại, một buổi kia ra đi trên « con đường gió bụi », toi một « trời sương gió » (!). Kịch sĩ nước Anh

Shakespeare một ngày kia đã tạo nên chàng Hamlet sầu muộn khó hiểu, rồi Hamlet bỗng trở nên kiểu mẫu của một trạng thái tinh thần thông thường ở tây Âu trong một thời đại. Những nhân vật trong tiểu thuyết của hai nhà văn Nga Tourguenieff và Dostoievsky đã bêu lộ một trạng thái tinh thần hoài nghi phá đổ cả tin tưởng (nihilisme), thế rồi tinh thần mới ấy, thành ra thực hiện trong đời, và tràn ngập đông Âu trong một thủa Nhà độc tài Pháp Robespierre ở thế kỷ thứ 18 là một sản phẩm của nhà văn Pháp Rousseau. Theo Oscar Wilde, nghệ sĩ tạo một tác phẩm theo những luật tự do vô cùng của tưởng tượng, rồi đời sẽ bắt chước hành vi, cử chỉ, dáng điệu của những nhân vật tưởng tượng ấy và sống cả những hoàn cảnh tưởng tượng ấy nữa.

Đ. G. T.

KỶ SAU:

II. — TẠO HÓA CHÉP == NGHỆ THUẬT ==

ĐÃ CÓ BẢN:

VIỆT-NAM cổ văn-học sử

từ thượng cổ thời đại đến đầu thế kỷ mười tám

soạn giả

NGUYỄN ĐỒNG CHI

tựa của bìa của bạt của

TRẦN VĂN GIÁP NGUYỄN ĐỖ CUNG HUỲNH THỨC KHÁNG

Toàn những tài liệu quý giá rút ở các sách Tàu, Tây Ta. Hơn một nghìn bài hán văn trích tuyệt dịch ra quốc âm. Giá. . . 4\$50

Mua một cuốn gửi tiền về trước, kèm thêm 0\$70 cước (không bán lãnh hóa giao ngân)

Bản in Impérial d'Annam nền gấm (còn 7 cuốn để bán. Giá. 25\$00

Bản Super Glacée. Giá. 15\$00

Bản dó lụa. Giá. 20\$00

HÀN-THUYỀN XUẤT BẢN CỤC

71, Rue Tién Tsin — HANOI

MỸ-TỪ-PHÁP TRONG VĂN-CHƯƠNG PHÁP VÀ VIỆT-NAM

CÁCH ĐIỆP NGŨ VÀ LỐI ĐÀO NGŨ

TRONG VĂN-CHƯƠNG

VŨ BỘI LIÊU

I

Cách điệp ngữ (la répétition)

CÁCH điệp ngữ là cách lấy đi lấy lại một hay nhiều chữ, có khi hẳn cả một câu, để đọc giả phải chú ý đến những chữ hay những câu quan hệ đó.

1° Cách lấy lại một hay nhiều chữ.

a) Ví dụ trong văn tây.

« Mi có biết bàn tay nào đang nắm chặt lấy mi lúc này không? Nay mi nghe ta: cha mi đã làm chết cha ta, ta thù mi. Mi đã cướp lấy tước vị, của cải của ta, ta thù mi. Hai ta cùng yêu một người đàn bà, ta thù mi. Ta thù mi, mi nghe không, ta thù mi tận trong thâm tâm ta. » (Savez vous quelle main vous étreint à cette heure? Écoutez, votre père a fait mourir le mien, je vous hais. Vous avez pris mon titre et mon bien, je vous hais. Je vous haïs, oui, je vous hais dans l'âme),

Trong đoạn này, Victor Hugo nhắc đi nhắc lại câu « ta thù mi », để tả hết nỗi căm hờn của một người đối với kẻ đã phá tan hạnh phúc của mình, và lại còn muốn chiếm lấy trái tim của người mình yêu nữa.

— Không có một điều gì cao sa làm cảm phục lòng người chỉ sống vì tiền; không có một ý tưởng gì quảng đại dẫn lối đưa đường được kẻ chỉ biết đến tiền. Cái đồng tiền nó không quen thuộc ai; cái đồng tiền nó không có tai để nghe gì cả; cái đồng tiền nó không có một tấm lòng biết thương, biết cảm. (Rien de grand ne subjugué, rien de généreux ne guide ceux qui vivent pour l'argent, et ne connaissent que l'argent. L'argent ne connaît personne; il n'a pas d'oreilles, l'argent; il n'a pas de cœur, l'argent : Balzac).

Những chữ « tiền », « tiền », « tiền », nhắc đi nhắc lại dùng để tỏ sự bất cận nhân tình của những kẻ ở trên đời chỉ biết có tiền mà thôi.

b) Ví dụ lấy trong văn ta:

Ai là người không thuộc đoạn này trong « Kim-Vân-Kiều »:

Buồn trông cửa bể chiều hôm.

Thuyền ai thấp-thoảng cánh buồm xa, xa, v. v.
kẻ lúc nằng Kiều ở lầu Ngưng-bích. Tác giả khéo ở chỗ đã nhắc lại chữ « Buồn » bốn lần trong tám câu thơ cốt làm cho đọc giả phải chú ý đến

tâm sự cô Kiều xa nhà, trông thấy cái gì cũng như gọi nỗi đau thương cùng cuộc đời chìm nổi của người xấu số.

— Sáu chữ « hủ » trong bài thơ tứ tuyệt sau này của Tú Xương như ngụ một ý mỉa mai chua chát:

Ngán nỗi nhà nho bộn hủ ta,

Hủ sao hủ gồm hủ ghê mà!

Phen này cái hủ xưa đi hết

Cứ để cười nhau hủ mãi a!

Một vài thí dụ khác:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,

Như người đầy gấm lẩn điều vạt vai (ca dao)

— Nhớ ai em những khóc thầm,

Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa.

Nhớ ai, ngơ ngẩn ngẩn ngơ

Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai.

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi.

Như đứng đồng lửa như ngồi đồng than. (ca dao)

— Từ ngày ăn phải miếng dầu

Miệng ăn môi đỏ dạ sâu đam chiều.

Biết rằng thuốc đầu, hay là bùa yêu

Làm cho ăn phải nhiều điều sót sa,

Làm cho quên mẹ quên cha, quên cửa quên nhà,

Làm cho quên cả đường ra lối vào.

Làm cho quên cả dưới ao.

Quên sông lấp mắt, quên sao trên trời (ca dao)

— Vắng nhà được buổi hôm nay,

Trộm thương trộm nhớ trộm say trộm tỉnh. (Kiều)

— Còn hai bài thơ dưới đây đáng chú ý về trừ câu đầu và câu cuối, mỗi câu đều bắt đầu bằng một chữ « thương »:

Há dám thương đầu gái có chồng.

Thương vì một nỗi có mà không

Thương cảnh hoa muện sương sao sắc,

Thương đoá đào non tuyết lạnh lùng,

Thương tấm lụa điều hân mồng mành,

Thương con én tiếng phạn long đong

Thương thì thương vậy thương sao đặng

Há dám thương đầu gái có chồng.

(Bài này đầu là của một người học trò nghèo, một hôm vào ngh. trong hàng gắp một quan võ cùng đi với cô hầu nou. Chàng ta ngó trộm hoải, quan tức lắm bắt làm một bài thơ thật hay, nếu không sẽ bị đòn. Người học trò lập tức viết bài thơ trên này).

— Bài thứ hai người ta bảo là của ông Vũ Toán.

Ông nhà nghèo học giỏi muốn lấy con gái một quan Đô-úy. Quan ra câu đối, ông làm được rất hay. Ông Đô-úy bằng lòng gả. Nhưng cô con gái đứng trong rèm rầy rầy chê là đồ quần manh áo rách. Ông làm bài : « Khinh người vừa chừ thương nhau là hết ». Cô ta thốt ngay cho một hồi : « Thương cha, thương mẹ, thương vợ, thương con, thương cái nhà mày, ai khiến mày thương ». Ông quan vịn lấy câu ấy ra làm đầu bài bắt ông làm thơ. Ông liền viết ngay :

Há dám *thương* dâu phận má hồng
Thương vì một nỗi đề phòng không
Thương cha mẹ nhện dăng tơ lưới
Thương vợ chồng Ngâu cách mặt sông
Thương con quốc rừ kêu mùa hạ
Thương cái bèo xanh dạt bề đông
Quần tử có *thương*, *thương* thế đó
Há dám *thương* dâu phận má hồng
(Theo « văn Đàn bảo giám »)

c, Một vài tỷ dụ nữa lấy trong văn-c'ương hiện đại :

Ta hãy đọc đoạn này trích trong « Hồn bướm mơ tiên » của Khải Hưng : « Chỉ vì tôi không *quên* được nên tôi mới khổ. Bản tính của đời người là *quên*. Mà muốn di tới hạnh phúc lại cần phải *quên*. Nếu tôi *quên* được hết, *quên* lời thề, *quên* cái đêm trăng rọi trên đồi, *quên* lời ăn tiếng nói của chú, *quên* sự gặp gỡ của đôi ta, *quên* chú, *quên* hết, thì đâu đến nỗi... »

Chữ « quên » lấy lại đến mười lần cốt để tả nỗi đau đơn của Ngọc — vai chủ động trong chuyện — muốn lấy sự « quên », làm liều thuốc ngủ cho tâm hồn ma không được. Chẳng yêu một thiếu nữ đã giả trai để vào làm tiểu trong một ngôi chùa (nên trên kia gọi là « chủ »). Nhưng đến khi biết rằng ái tình mình vô hy vọng chàng muốn quên đi mà không quên được, tuy rằng « bản tính của người đời là quên » (cf : la nature a voulu qu'on oublie : Jules Rameau) Vì không quên được nên mới khổ, vì không quên được nên hạnh phúc mới tan nát, vì không quên được, nên đời từ đây không còn đâu một phút yên lặng trong tâm hồn.

— Trong « Thơ thơ » của Xuân Diệu cũng có nhiều chỗ dùng lối « điệp ngữ » như thế. Ví dụ như những câu :

Anh *nhớ* tiếng, anh *nhớ* hình, anh *nhớ* ảnh
Anh *nhớ* em, anh *nhớ* lúm, em ơi !
Anh *nhớ* anh của ngày tháng xa khơi,
Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời,
Nhớ đôi mắt nhìn anh đắm đắm

— Và đây là một đoạn trong bài « Nhạc sầu » của Huy Cận :

Ái chết đó ? Nhạc buồn chỉ lắm thế !
Chiều mờ cõi đời rớt mướt ngoài đường ;
Phổ diu hiu màu đá cũ lên sương,
Sương hay chính bụi phai tàn lá tả ?
...*Ái chết đó ?* Trục soay và bánh dầy.

Xe tang đi về tận thế giới nào ?

Chiều đông tàn lạnh xuống tận trời cao,
Không lửa ấm, chắc hồn buồn lắm đó
...*Ái chết đó ?* Nhạc buồn chỉ lắm thế !
Kèn đám ma hay là tiếng đau thương
Của cuộc đời ? Ái rút tự trong xương
Tiếng nấc nở gởi gió đường quanh quẽ !
Sầu chỉ lắm trời ơi ! chiều tận thế ! (Huy Cận)

2. Cách lấy lại cả một câu.

Trong văn Pháp có một áng văn có giá trị, một bài thơ bằng văn xuôi-dây là tiếng kêu than của người đi đày, trong bài « l'exilé » của Lamennais. Bài ấy chia làm nhiều đoạn.

Sự đáng chú ý là cùng một câu dùng làm giáo đầu và kết-luận, và sau mỗi đoạn, ta nghe thấy tiếng kêu ảo não, tiếng khóc dài của kẻ đi đày khổ nạn, mà đời chỉ còn là một chuỗi ngày đau khổ : « *Kể đi đày ở đâu cũng vô vô một thân* » (L'exilé partout est seul).. -

Dưới đây chúng tôi xin trích dịch hai văn tuyệt tác ấy.

Lặng thang vơ vẩn bên đường, ấy kẻ đi đày biệt xứ. Xin Trời Phật phù hộ cho con người khổ nạn.

Tôi đã đề vết chân qua biết bao nhiêu xứ : ở nơi nào cũng thế, người trông tôi, tôi lại trông người, nhưng có thấy ai là người quen thuộc ? *Kể đi đày ở đâu cũng vô vô một thân.*

Những buổi chiều tà, khi thấy trong lòng thung lũng, khói tỏa nghi ngút trên mái lều tranh, tôi thường tự bảo mình rằng : « Sung sướng thay những ai kia chiều đến về nhà, được quây quần sum họp cùng người yêu quý » *Kể đi đày ở đâu cũng vô vô một thân.*

...Cây kia tươi, hoa kia đẹp, nhưng chẳng phải cây cỏ nước non mình, như thế còn có gì là thú vị. *Kể đi đày ở đâu cũng vô vô một thân.*

Giòng suối réo róc rách trong đồng, nhưng nào có phải đường xưa lối cũ đi về năm nao. Cảnh chẳng gọi trong tâm hồn tôi một kỷ niệm gì của quãng đời niên thiếu. *Kể đi đày ở đâu cũng vô vô một thân.*

...Nhiều khi có kẻ hỏi tôi : « Có sao anh khóc ? » Nỗi đau thương, tôi kể cho khách qua đường, nhưng nghe xong, chẳng ai rỏ giọt nước mắt thương tâm, ái ngại con người sầu số, vì tâm sự này, đã mấy người hiểu thấu cho ta ? *Kể đi đày ở đâu cũng vô vô một thân.*

Lại có lúc tôi gặp các cụ già, con cháu quây quần vui vầy dưới gốc. Nhưng cha tôi, tôi tìm chẳng thấy, còn vợ, còn con yêu quý, nhìn mãi quanh mình chẳng thấy bóng một ai. *Kể đi đày ở đâu cũng vô vô một thân.*

...*Lặng thang vơ vẩn bên đường, ấy kẻ đi đày biệt xứ. Xin Trời Phật phù hộ cho con người khổ nạn !*

b) Tỷ dụ trong văn ta :

Cách lấy lại hẳn cả một câu ít thấy trong văn ta cũ (không kể trong lối thủ vĩ ngâm và liên hoàn, vì là mấy thể thơ riêng bắt buộc phải thế), nhưng trong thơ mới rất nhiều. Dưới đây là mấy đoạn trích trong thi ca hiện đại :

Yêu tha thiết vẫn còn chưa đủ.

Anh tham lam anh đòi hỏi quá nhiều.
Anh biết rồi, em đã nói em yêu
Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ?
Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ
Nếu em yêu mà chỉ để trong lòng
Không tỏ hay yêu mến cũng là không
Và sắc đẹp chỉ làm bằng cảm thạch.
Anh thêm muốn vô biên và tuyệt đích
Em biết không? Anh tìm kiếm em hoài.
Sự thật ngày nay không thật đến ngày mai.
Thì ân ái có bao giờ lại cũ..

Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ

Phải nói yêu trăm bận đến ngàn lần,
Phải mặn nồng cho mãi mãi đến xuân,
Dem chim bướm thả trong vòng tình ái.

Chờ thần nhiên bên một kẻ chày lòng
Chờ uẩn như mặt hồ nước ngủ

Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ (X. Diệu)

Đám ma đi

Có những buổi mưa phùn thế thấm quá
Cảnh vật trầm trong tấm vải chôn người,
Mảnh gỗ chèn thay kính cửa vỡ rồi
Không chắn nổi gió ngoài hơi lạnh giá.

..

Có những buổi mưa phùn thế thấm quá
Gọi lên trên cổ vắn mỏng chôn người
Đám ma đi trong hơi sương lạnh giá,
Đi trên đường và đập sáo lòng tôi

..

Đám ma kéo lê thê trong lòng tôi lạnh giá
Đem chôn đi những kỷ niệm lâu rồi,
Đám ma đi trong mưa phùn thế thấm quá,
Đi hàng ngày chưa tới huyệt lòng tôi

LAN SƠN

— *Ai bảo em là giai nhân*
Cho đời anh đau khổ?
Ai bảo em ngồi bên cửa sổ
Cho vương vãi nợ thi nhân?

..

Ai bảo em là giai nhân
Cho lệ chàn đêm xuân?
Cho tình tràn trước ngõ,
Cho mộng chàn chiếu chăn?

LƯU TRỌNG LƯU (Một mùa đông)

II

Cách đảo ngữ (l'inversion)

Cách đảo ngữ là cách thay đổi vị trí các tiếng trong câu để làm nổi câu văn. Nhưng dùng không

đúng lý sẽ tạo ra những câu quái gở, như những câu sau này của thầy dạy triết học ông Jourdain, trong kịch « Trường giả học làm sang » (Le bourgeois gentil l'homme). Đáng nhẽ nói: « Hồi hầu tước phu nhân sinh đẹp ời, khỏe thu ba của phu nhân làm cho tôi chết mệt về tình ». Ông ta đảo đi đảo lại mấy cách này: một là: « Vì tình chết mệt làm cho, hồi hầu tước phu nhân sinh đẹp ời, khỏe thu ba của phu nhân », hai là: « Khỏe thu ba của phu nhân vì tình làm cho, hồi hầu tước phu nhân sinh đẹp ời, chết mệt ». Cách thứ ba là: « Chết mệt, khỏe thu ba của phu nhân, hồi hầu tước phu nhân sinh đẹp ời, vì tình làm cho ».

Nhiều nhà văn ta quá mô phỏng lối văn Pháp, cũng đã viết nhiều câu ngữ ngẩn, tương tự như thế.

Đảo ngữ có mấy cách :

1. *Đem chủ từ đặt đằng sau động từ* (Inversion du sujet après le verbe).

a) *Ví dụ trong văn tây*: Như câu của Paul Claudel.

« Chúng ta lúc nào cũng phải dự bị sẵn sàng và tự chủ như những đàn én nọ chỉ việc cất cánh bay lên khi *vang rây* tiếng gọi của mùa thu. (Il faut nous tenir toujours libres et prêts, comme ces bandes d'hirondelles quand *retentit* l'appel automnal) Tiếng động tự « vang-rây » (retentir) đáng nhẽ vị trí nó ở đằng sau tiếng chủ-từ « tiếng gọi » (appel), nhưng tác giả đem đặt lên trước để mạnh câu văn.

b) *trong văn ta* những câu đặt theo cách ấy rất nhiều: ví dụ: Xét-soi trước mặt đôi vùng ngọc,

Vùng-vẫy trên tay một lá cờ.

(Lê-thành-Tôn)

— Lưng dậu **phất phơ** màu khói nhạt

Làn ao lóng lánh bóng trăng loe. (Yên Đỗ)

— Lom-khom dưới núi tiều vài chú

Lác-đác bên sông chợ mấy nhà.

(Bà huyện Thanh-Quan)

2. *Đem tính từ để lên đầu câu* (Inversion de l'attribut)

a) *Ví dụ trong văn tây*

Sung sướng thay những người có thể ngủ yên không lo sợ và cũng không hối hận, trong chiếc giường nặng nề và đáng kính của ông cha để lại, là nơi mà những người thân yêu của mình đã sinh ra đời, và lúc nhắm mắt buông xuôi cũng nằm ở đấy (Heureux qui peut dormir sans peur et sans remords, dans le lit paternel massif et vénérable, où tous les siens sont nés aussi bien qu'ils sont morts José Maria de Hérédia)

b) *Vài ví dụ trong văn ta*:

Khô-héo lá gan cây đỉnh Ngự,

Đầy-vơi giọt lệ nước sông Hương (Ng: hoàng Phl)

— Nhập-nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,

Khấp-khểnh ba chân giở tỉnh say (Yên Đỗ)

(Xem tiếp trang 25)

N GÃY nay, ai ai cũng công nhận rằng loài vật đâu có được lương-tâm và ý-chí như người, nên nếu nghe nói quan tòa kết án một con vật ta sẽ cho là quái lạ. Nhưng ta nên biết rằng đã có một thời, ở bên Âu giống vật cũng bị đem ra tòa, nếu có tội cũng bị kết án, và những con nào bị tử-hình cũng phải đem ra chính pháp trước công chúng y như người vậy.

Cách xử án loài vật tùy từng giống vật mà khác nhau : loài sâu bọ phải đem xử theo một cách khác với loài bốn chân, giống vật phá hại mùa màng phải đem xử một cách khác với những con vật phạm các tội lật vật.

Nhất là loài sâu bọ kéo từng đàn đến phá hại mùa màng là hay bị người xưa kết án. Khi dân một vùng nào thấy một đàn châu chấu kéo đến chẳng hạn, họ cử một người làm đại-biểu rồi phát đơn kiện tại tòa án bên Giáo. Trong đơn họ nói rõ nơi bị phá, giống sâu bọ đến phá, cùng hình thù và màu sắc của giống sâu đó. Nhận đơn, quan tòa sai một nhân viên tòa án đến tận nơi xảy ra tai nạn, để truyền lệnh cho loài sâu ấy đến ngày giờ nào phải ra hầu tòa. Cố nhiên là đến ngày hẹn bị-cáo không ra tòa, nhưng — cũng phải làm cho hợp-lẽ chứ — người ta cho giấy đòi đủ ba lần, rồi sau ba lần đòi mà bị cáo vẫn không tới, tòa mới tuyên bố xử vắng mặt : khi ấy quan tòa cử một người thay mặt cho bị cáo, và một trạng-sur cãi cho bị cáo ; rồi sau đó, luật tố-tụng được đem thi-hành với tất cả các thề-lệ, tất cả những nỗi phiền phức, tất cả sự chặm chạp : cũng đủ giấy tờ, cũng có khẩu cung, cũng có bài cãi của trạng-sur, cũng có lời buộc tội của quan-tòa, tòa cũng tha bổng, phạt án treo hoặc không phạt án treo.

Ta có thể tự hỏi nếu tòa kết án bị-cáo thì trừng phạt thế nào ? thi hành bản án bằng cách nào ? Quan tòa sai thảo một bản án tuyên - bố bị-cáo phải trục-xuất ra khỏi giáo - đoàn (ta nên nhớ rằng các tòa án có thẩm-quyền để xử những vụ như thế này là tòa án bên đạo), bản án đó đem đọc cho công chúng nghe, rồi 12 ông cố đạo dự lễ tay cầm cây nến đang cháy ném xuống đất, lấy chân dẫm lên : thế nghĩa là Giáo - đường (l'Eglise) đã nguyên rủa loài sâu bọ tàn ác kia và muốn cho chúng chết đời đời.

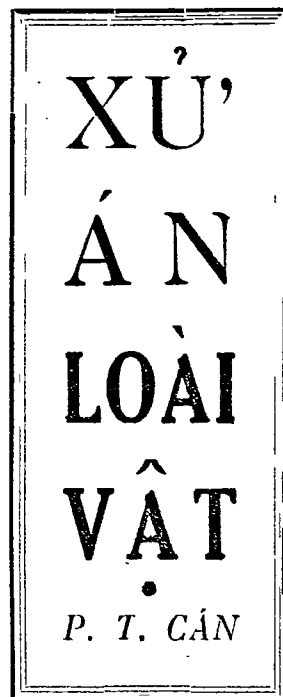
Châu chấu, chuột đồng, giống sâu tàn phá các ruộng nho đã từng nhiều phen bị kết án như thế. Người ta còn kể chuyện rằng nhiều ông cố đạo « cao tay » đã trừng phạt hoặc sai khiến được loài vật một cách có hiệu-quả. Ví dụ như trong một cuốn sách nói về thánh Bernard (1) tác-giả thuật lại rằng một hôm thánh sắp lên đền để

giảng kinh ở nhà thờ Frogny (thuộc tỉnh Laon, quận Aisne bên Pháp), thì một đàn ruồi đông vô kể bay vào nhà thờ, quấy rầy cả ngài lẫn những người đến nghe giảng đạo. Ngài chỉ nói có một câu : « Ta trục-xuất giống ruồi này ra khỏi giáo-đoàn », tức thì đàn ruồi lặn xuống đất chết hết, và người ta phải lấy sừng súc mà đồ đi.

Ở thời-đại Trung-cô, người ta còn làm lễ cầu khẩn đất, lửa cùng không khí đừng giúp các loài sâu bọ tàn phá cây cỏ, nhất là người ta hay dùng một thứ nước phép để ngăn ngừa chúng. Muốn có thứ nước phép đó, một thầy tu hay một cố đạo đọc những câu thần-chủ đại-khải như sau này :

« Hồi nước, ta cầu đức chúa Trời ra lệnh cho người không được chứa một loài ác-quỷ nào, ta cầu đức Chúa Trời làm cho người hóa thành một thứ nước cứu khổ cứu nạn, rầy vào sinh-vật thì cứu sống cho sinh-vật, rầy vào nhà cửa thì che trở cho nhà cửa khỏi mắc vào cạm bẫy của Satan » (2).

Trong thời-kỳ khoa-học chưa tiên-bộ, gặp một tai nạn gì người ta cầu cứu đến tôn-giáo là một lẽ thường. Nhưng ta chớ tưởng chỉ các tòa án bên Giáo mới kết án giống vật : thật ra cả các tòa án thường ngày xưa cũng đã từng kết án loài vật, có khi lại kết án cả những vật vô-tri-giác nữa. Các quan tòa ở kinh thành Áthènes bên Hi-lạp đã nhiều lần kết án cả đến cái búa, thanh gươm hoặc lưỡi dao mà kẻ sát-nhân đã dùng để giết người. Một đạo luật cổ bên nước Anh đã định rằng nếu một cành cây gió thổi gãy mà rơi xuống đè chết người, nếu một con bò kéo xe mà gây ra án mạng, thì cành cây, con bò, cái xe đều bị tịch thu rồi đem phát mại để lấy tiền giúp người nghèo. Ở kinh-thành La-mã trong hơn 600 năm, cứ hàng năm người ta tổ chức một đám rước long trọng : người ta đem



(1) Vie de Saint Bernard, par Guillaume, abbé de St. Théodoric de Reims.

(2) Theo đạo Thiên chúa, Satan là trùn ác quỷ.

điều phổ một con chó rồi sau đem giết chết, để kết tội giống chó đã không sữa rằm lên đêm hôm xưa khi người Gaulois đến đánh úp điện Capitole. Luật La - mã còn có chỗ nói rõ rằng : nếu một con vật gây ra một việc gì có hại cho một người nào, thì một là người chủ con vật phải bồi thường cho người bị thiệt hại, hai là người này được chiếm lấy con vật kia.

Vậy thì trong thời-đại Thượng-cổ và Trung-cổ, loài vật không được ở ngoài vòng pháp-luật: cũng như người, chúng được luật-pháp bênh vực khi quyền lợi chúng bị phạm tới, chúng bị tòa án cho trát bắt khi chúng làm càn, có khi quan tòa lại còn gọi chúng ra làm chứng khi chúng đã được mục kích một hành-động phi-pháp. Bên Ấn-độ người ta bênh vực con bò cái một cách rõ rệt, nên luật Manou định rằng kẻ nào phạm tội giết một con bò cái thì phải cạo trọc đầu, sống trên một bãi cỏ nuôi bò cái, mình khoác da con bò bị giết, xuất ngày đi theo đàn bò cái, nuốt bụi của chúng tung lên, hầu hạ chăm nom chúng cả ngày, rồi tối đến phải chào chúng và đứng canh chúng suốt đêm.

Bênh-vực loài vật bị giết hoặc bị đánh oan, ta có thể cho là vừa hợp với công-lý vừa hợp với nhân-đạo. Nhưng còn những khi người ta đem súc-vật ra tòa làm chứng? Ngày trước ở một vài vùng bên Pháp, quán-tập-pháp (Droit coutumier) cho phép người nào ở một mình mà giết chết kẻ trộm cướp vào nhà, được mang ra tòa một con chó, con mèo cái hay con gà, để chúng làm chứng và thề rằng mình ở trong trường-hợp tự-vệ : thế là đủ quan tòa cho là vô-tội mà tha bổng — Con chó của Montargis há chẳng phải là một kẻ làm chứng bắt tên sát-nhân phải thú nhận tội ác của hắn sao?

Nhiều nhất là những « ca » mà người ta bắt loài vật phải chịu trách-nhiệm những hành-động của chúng. Và những việc như thế, không những ta thấy rất nhiều trong các sách truyện, mà cả ở sử-ký cũng có chép nữa.

Bản án đầu tiên kết tội loài-vật mà có ghi trong sử-ký, là bản án năm 1266 của tòa án Fontenay-aux-Roses (Thuộc quận Seine bên Pháp) kết án một con lợn phải đem thiêu chết vì tội đã cắn chết và ăn thịt một đứa bé con. Năm chục năm sau, ở làng Moisy có một con bò sông : nó chạy rông một lúc, gặp một người nhà quê, húc chết người ấy và bị đem xử giảo. Năm 1368 ở tỉnh Orléans có người chủ hàng cơm nuôi lợn : một con trong đàn tự nhiên kêu rống lên, một cậu bé trọ ở hàng cơm nghe tiếng kêu chạy

vào chuồng lợn xem và bị đàn lợn làm cho ngã chết. Ra tòa, chủ-quản khai rằng tự cậu bé chạy vào chuồng chứ không phải tự đàn lợn *tum* cậu bé mà cắn chết; một thầy thuốc ở Paris được gọi đến xem xét cũng nhận rằng trên sắc cậu bé không có vết thương nào do đàn lợn gây nên và cậu bé chết chỉ vì sợ quá, nên tòa tuyên bố tha bổng cho đàn lợn.

Năm 1386, ở Falaise (thuộc tỉnh Caen xứ Normandie) người ta kết án một con lợn cái vì nó cắn chết hai đứa hài-nhi đang nằm trong nôi: con vật phải đem mặc áo người, chân đi tất tay trắng, người ta đem chắt mồm nó đi, đeo vào đó cái mặt nạ hình mặt người, rồi đem thắt cổ cho chết.

Năm 1389, ở Montbard (thuộc miền Bourgo-gne bên Pháp), một con ngựa bị kết án tử hình vì đã dẫm chết người. Ngoài ra còn vô số lợn, bò, mèo, ngựa bị xử tử vì đã gây ra án mạng.

Những bản án kết giống vật vào tử hình, cũng đem thi hành một cách long trọng như khi thủ phạm là người vậy. Thường thường người ta đem thủ phạm ra « Pháp-trường » bằng một cái xe bò, hai bên có lính đi kèm. Người chủ con vật bị kết án cũng phải đi theo, và nếu kẻ bị con vật làm chết là một đứa bé thì cả bố nó cũng phải đi theo : ý quan tòa là phạt cả hai người, người thứ nhất vì không giữ con vật của mình, người thứ hai vì không trông nom con cái cho cẩn thận. Con vật bị kết án vào tội chết thường hay phải đem thắt cổ, có khi phải đem chôn sống, có khi phải đem thiêu. Nhưng tội chết thiêu ngày xưa hay để dành cho những vật và người đã thông dâm với nhau, cùng những con vật bị kết án tử hình vì người ta buộc tội cho là có yêu-thuật. Ví dụ như tháng tám năm 1474, ở tỉnh Bâle nước Thụy-sĩ có một con gà sống bị buộc tội là đã đẻ ra một quả trứng: quan tòa kết án tử-hình con vật đó, và nó phải đem ra thiêu trước công chúng cùng với quả trứng mà người ta bảo nó đã đẻ ra.

Trên đây là một vài vụ án kỳ-quặc trong rất nhiều vụ án kỳ-quặc đã xảy ra thuở xưa. Nhưng ta chớ tưởng chỉ thuở xưa óc loài người còn mê muội mới có những việc quái lạ như thế. Về cuối thế-kỷ thứ 17, ở Gia-nã-Đại (Canada) tự nhiên giống chim ngói ở đầu kéo đến nhiều đến nổi làm náo-động cả nước : muốn tổng khứ đi, các cố-đạo làm lễ trục-xuất chúng ra khỏi bờ cõi. Về đầu thế kỷ thứ 18, ở xứ Ba-tây (Brésil) loài kiến xuất hiện hằng hà sa số; và các

(Xem tiếp trang 30)

VÀI CẢM TƯỞNG NHỎ VỀ văn chu'ong phụ nữ'

NGÃY nay chẳng còn ai than phiền phụ nữ Việt Nam không chú ý đến việc cầm bút — Vài bạn gái đã mang in những sáng tác đầu của mình — Thỉnh thoảng, bằng một tập thơ, một cuốn tiểu thuyết, họ đánh dấu những bước lần đường trong đời văn mai sau. Một nhóm người trẻ g phá trí thức đứng lên chủ trương một tờ báo — Họ gây xong những luồng dư luận phải trái quanh mấy vụ án luận lý, kết tội được những phạm nhân nữa — Sự thành công rực rỡ vì họ đã chiều theo một cần thiết của công chúng. Ai cũng mừng thầm những hoạt động đó hợp thời: hình như một mạch sống bí tắc, ngừng 'ại từ lâu, được khơi dậy.

Mạch đó chàn lan ra khá rộng, nhưng còn ở thời kỳ hồi tỉnh, có bề mặt mà chưa thấm xuống chiều sâu — Nhiều người tự hỏi bao giờ, với những điều kiện gì, những ngòi bút trên kia trở nên sắc sảo, — Ở một trình độ xã hội ra sao, chúng ta sẽ được tiếp những sản phẩm phong phú mang dấu hiệu một nghệ thuật vững bền và nhân đạo. Ngày nào, trên ô sách thưa vắng, tìm được những cuốn giá trị, xếp ngang với những bộ tiểu thuyết quốc tế về phong tục, rất nhiều ý nghĩa của Pearl Buck, những lập triết lý thiết thực và đầm ấm như lời chỉ khuyên em của Gina Combroso, những trang nhật ký cảm động, phản ánh trong sáng cuộc đời si mê, tinh khiết của Katherine Mansfield; tôi chưa hề văn chương Pháp, chúng ta chịu ảnh hưởng mật thiết, nào thơ của Comtesse de Noailles, truyện của Colette có bao nhiêu màu vị âu yếm, nào những phóng sự điều luyện, tràn đầy sự sống của Titayna, Maryse Choisy. Hiện tình, câu trả lời chưa thể cả quyết, chỉ biết chiều được những mong nõi kia là nhiệm vụ của nhà văn, của hết thảy những bạn trẻ mang trong lòng màu giống cuộc hồi sinh đương phác họa. Gần hay xa, ngày đó cũng tới, chừng có là trên những trang lịch sử văn học, tên tuổi như tài thay mặt nữ lưu không phải là không có.

Chỗ này một điểm đáng chú ý: rõ những bản 'thơ ca xưa, thật đáng tiếc, bụi cát thời gian phủ mờ đi rồi, tôi phải ngậm ngùi nhận rằng những công trình ấy không thể mang độ với các loại của

Tây phương — Hai nghệ thuật hoàn toàn khác nhau, nếu không tương phản từ hình thức đến tinh thần — Ở đây sự gò ép tinh tinh do luận lý xã hội gây nên, những lề lối văn phép chặt chẽ như hãm sức nảy nở, ngăn cản cuộc phát triển những tâm trạng kín đáo và tự nhiên — Ở bên kia, nền nếp tự do, thả lỏng ngòi bút khiến chúng ta say sưa ngắm cảnh rồi rào cửa rừng văn ngoài — Còn ai không biết lịch trình về vang của văn chương Pháp: sau khi bỏ được thói dùng chữ La-Tinh và Hy-lạp, trải qua cuộc phục hưng quốc ngữ, sang đến thế kỷ oanh liệt thờ' cổ điển, rồi đến tuổi lãng mạn sinh ra những người con phóng túng như Madame de Strél, George Sand, cõi tâm tư, mệnh mông, không bờ bến, được soi rọi tinh vi — Người ta vùng vẫy giữa thế giới bên trong, từ khoảng hương trí sáng tỏ (bởi thế hẹp hòi) đến những phương của vô giác u tối, mù mịt, man mác vô cùng — Họ xuống sâu những kẽ ngách thâm kín, trong khi nhà văn ta, đón gió ngấm trăng, phóng dầm ba nét sơ sài trong vòng 56 chữ, chưa bao giờ nghĩ đến và tìm thấy những h' mật giấy đặc, những động lực tiềm tàng. Chúng ta chỉ biết nhặt nhanh tài liệu nghèo nàn trong tập quán của ta, trong mẫu mực của tầu, chúng ta chưa giám là ta, chưa hề bước vào những đường lối riêng tư của bản ngã — Bởi thế đem ra đếm những đầu đề, đi ngược lại nguồn cảm hứng cổ kính là một việc dễ dàng... có khi mĩa mai — (Nói đến một sở đoản xưa, chúng ta mắc điều phụ bạc người đã qua chẳng nhẽ đừng — Trong kho văn ta, tôi đã phí công tìm một lòng thương con đầm thắm, theo lối bà Sévigné. Tôi quên mất: cá nhân không được ló mặt với những u ẩn của riêng mình).

Đến nay cũng vẫn một cảnh nghèo nàn ấy, chưa ai từng diễn đạt những tình trạng rộng rãi, *chân thực, chung* của con người ta. Nội cảnh vang lên bằng ít âm thanh nhỏ yếu. Chúng ta thở trong một bầu không khí eo hẹp, vẫn lên giữa những luân thường cùng phép tắc — Nền văn chương bên số ít tuyệt phẩm vẽ rõ những duyên giáng mỏng manh, thấm nhuần vài nỗi đau thương thấm thía trong đời phụ nữ, đắm đuối trong ao tù luận đề

MỘT NHÀ VĂN ANH Ở Á - ĐÔNG

(Tiếp theo trang 11)

lá thư cho một viên đại-úy ở quân đội Nhật đương đánh trận Mãn-Châu nói chuyện về các con rất là âu yếm. Đến lúc ăn cơm xong thì ông bỗng đề tay lên ngực. Một giờ sau ông mất. Bệnh đau tim cũ đã đến mang ông đi.

Ông vốn yêu cây cỏ, thích nhất là một cây hạnh đào. Hai ba hôm, trước khi Hearn chết, cây hạnh nở hoa trái mùa. Điềm rất xấu nhưng Hearn nhìn cây mà bảo: « Hoa tưởng mùa xuân giữ lại vì thời tiết dịu dàng quá. Nhưng chỉ ít lâu là rét mướt mang lại cho hân lo sợ và cái chết ». Sau hôm ông chết, hoa còn tươi tốt một ngày, tối đến tự nhiên cũng héo rũ. Vợ con ông ai cũng định ninh rằng hoa vườn đã khéo từ biệt chủ nhân.

Cuộc đời của ông thật là một cuộc đời long đong. Thân số mệnh tưởng chừng lúc nào cũng theo rồi. Ông đi đến đâu cũng mang cái không may đến đó. Hai nơi ông tả trong chuyện, Grande Isle và Martinique đều bị thiên tai tàn phá, các bạn hữu ngày trước đều chết cả. Chính ông cũng nghiệm rằng, chuyến tàu nào chở ông cũng gặp sự không may, không đảm thì cũng hư hỏng. Xuất từ lúc bé đến

khô khan, héo hắt trong vòng những điềm nhân tạo — không kể ca dao, loại thơ hồn nhiên, giàu bằng tất cả phong vị đồng ruộng, núi sông, có nhẽ phải cất lên một tiếng thở dài, nếu muốn tìm hiểu, qua một cuốn sách, những chi tiết phẳng lặng, sinh sản, e ấp trong lòng nữ phái — Soi đâu thấy một tia sáng trong tâm tư bức tức, rầy rụa, Núi tằm của bao nhiêu lớp nặng dầu An-nam. Đã ai cho tôi dung cảm, phẳng phất nhẹ như cánh bướm, thứ tình e lệ, bay giập trong tâm người con gái? Tôi đi tìm mỗi đề đo lường lòng thương thầm lặng của người chị, tận tụy trọn đời với đứa em cô út như mình — Ai mở cho tôi, trên bến nước khoang thuyền trống trải, sớm tối ngược xuôi của cô lái, quanh quẩn ven sông? Buổi chợ chiều tàn trên đường về xa vắng, ai tò mò đếm mớ cau khô ế, chia những lo lắng nặng trĩu trên vai cô hàng nhẵn nại, ra đi từ lúc sương sớm chợ Bàng chợ Canh. Và bên ngõ, trước cổng làng, ai nô đùa với lũ trẻ, bông em bên quán nước đợi mẹ, người hàng sên vất vả nhưng vẫn tươi cười, mang về cho con chiếc bánh khoai tròn, con tò he sắc sỡ — Những hình bóng thân yêu ấy, tính-túy cuộc sinh hoạt Việt-Nam, chưa hiện bao giờ lên cánh đồng văn chương — ... Tìm họ, tôi đã ngóng trông những lối, mòn chưa sáng.

LỮ THIÊN

lúc chết toàn những thất vọng. Vậy mà người đó là một người thông minh tuyệt vời, đầy nghị lực, giàu tình cảm. Ông được nổi tiếng nhất là ở các sách nói về nước Nhật. Giọng văn của ông đầy hình ảnh, màu sắc. Ông là người ưa gọt rũa lời nói cho nên ông thường lấy làm bất mãn vì cách viết vảo của mình và có lắm quyền chuyện như quyền Chita, nếu có thể đốt hết được thì ông cũng đốt.

Cha là người Anh, mẹ là người Hy-Lạp cho nên văn ông có một vẻ mềm mại lạ lùng vừa có cái chậm trễ của người Anglo-Saxons, vừa có trí tưởng tượng mãnh liệt của người miền Nam, lại thêm ánh sáng chói lọi của văn Pháp.

Ông Chambe lain, bạn đồng nghiệp của Hearn ở trường Đại-học Tokyo cho rằng cách nhìn của ông là cách nhìn của một nhà thi-sĩ nghĩa là bao giờ cũng lãng về đẹp cho sự thật. Nhưng ông Joseph de Smet đã nói rất chí lý rằng: « Không ai có thể nhìn được hết. Người nào ưa cái gì thì chỉ ghi chép cái ấy. Người tầm thường thì dù có đi đến hết đời cũng chỉ nhận thấy những sự tầm thường. Có những người tự nhiên đi vào bóng tối, có những người chỉ có thể nhảy sỏ lại ánh sáng, Lafcadio Hearn là thuộc vào hạng sau đó ».

Kết luận bài này tưởng không câu nào xứng đáng hơn câu đó.

LÊ HUY VĂN

CÁCH ĐIỆP NGŨ...

(Tiếp theo trang 21)

-- Sanh-om cổ thụ tròn soe tán

Trắng-sóa tràng giang phẳng lặng tờ.

(Xuân-Hương)

3.) Túc-từ đặt trước động-tự: (Inversion du complément)

Cách đặt túc-từ trước động-tự, văn chương Pháp rất thường. Đây là một vài tỉ-dụ lấy ở văn ta:

Đầu cành kiểng bạn cành sao sắc

Trong-tối đưa bay đóm lập loè (Yên-Đồ)

— Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi.

Đạm liễu sương sa khách bước rồn.

(Bà huyện Thanh quan)

— Vàng trắng ai sẽ làm đôi (Nguyễn Du)

— Tiền bạc phó cho con mụ kiểng,

Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi (Tú-Xương)

(Còn nữa)

VŨ BỘI LIÊU

VIỆC QUỐC TẾ

MẶT TRẬN ĐẠI-TÂY-DƯƠNG

ĐỖ ĐỨC DỤC

(Tiếp theo)

Nước Đức, một khi rành được những vị-trí hành binh tốt-đẹp, liền tức-khắc lợi-dụng. Trận Đại-tây-dương bắt đầu quyết-liệt. Người ta đã dùng biết bao nhiêu chiến-thuật, khi cụ tối-tân. Ta lần-lượt xét những chiến-thuật thế-công và thế-thủ.

Ngay từ lúc khởi đầu trận Đại-tây-dương, chiến-cụ công-kích chủ-yếu là tiềm-thủy-dĩnh.

Sau cuộc đại-thắng 1918, nước Anh đã nghĩ đến ngan cấm nước Đức không được đóng tàu ngầm. Nhưng rồi chính Anh muốn theo đuổi chính sách quân-bình trên đại-lục, lại cho chính-phủ quốc-xã được phép đóng; tuy số cho có ít nhưng thế cũng đủ, những sườn của Đức chỉ cần sắp-sửa sẵn-sàng chờ dịp tốt là xuất-sân tàu ngầm theo một nhịp nhanh chóng vô cùng. Trong khi đó người ta lại tìm cách huấn-luyện thủy-thủ và sĩ-quan thực nhiều, thực mau bằng cách luân chuyển trên những chiếc tàu đã được phép đóng. Đó thực là một điều thất-sách của bộ hải-quân Anh ! Mùa xuân năm 1917 lúc bắt đầu khởi trận tiềm-thủy-chiến, hải-quân Đức có 128 chiếc tàu ngầm ; nhưng tháng giêng năm 1941 Đức có chừng 180 chiếc và thêm vào đó, Đức còn có thể lợi-dụng được hạm-đội tiềm-thủy của Ý là đội lớn nhất hoàn-cầu.

Ta lại nên biết tàu ngầm năm 1941 lợi-hại hơn tàu-ngầm năm 1917 rất nhiều, kỹ-thuật tấn tới vô cùng ; ta chỉ cần nói đến một sự áp-dụng những ống-phóng-ngư-lôi hướng-dẫn được, do người Pháp sáng-chế ra, những ống đó đã làm tăng biết bao-nhiều hiệu lực công-kích của tiềm-thủy-dĩnh.

Thế cũng chưa hết. Năm 1917, tàu ngầm Đức chỉ có thể đi từ một cửa nhỏ nhòm ra đại-dương, và không hòng gì đi qua eo Pas-de-Calais do đồng minh canh-phòng nghiêm-mật, thành ra phải vòng lên phía Bắc xứ Ecosse để sang hoạt động ở miền duyên-hải phía tây Đảo quốc. Khi đi khi về, những mối gặp được rất liêm. Nhưng ngày nay thì khác hẳn : tàu ngầm Đức xuất-trận được ở những quần cảng Pháp, Brest, Lorient, Saint-Nazaire, Gironde, và chỉ một đêm vượt bề đã tới khu-vực hoạt-động.

Hơn nữa, năm 1917 tiềm-thủy-dĩnh hoạt động một cách cô-lập. Ngày nay vì sự mở-mang những cách thông-tin trên mặt bề và dưới nước nên sự hoạt-

động có liên lạc, thành ra Đức đã dăng một lưới tiềm-thủy dĩnh vĩ-đại để phá hoại nền thương-mại của Anh.

Khi-cụ thứ hai đề khuấy rối sự buôn bán của địch-thủ là thủy lôi. Ở đây không có gì khác năm 1918 duy sự thông dụng nhiều hơn thủ thủy-lôi từ thạch, thủy-lôi này đặt tận đáy biển thành ra chứa được nhiều chất nổ hơn và làm giản-dị hơn những thủy-lôi nổi ngầm. Còn về cách vận-dụng thì nhờ sự biến-dị của từ giới (modification du champ magnétique) do khối kim-khí của một chiếc tàu nào đi qua chỗ thả thủy-lôi.

Mà cũng vì thủy lôi đó đặt tận đáy-biển nên vớt rất khó. Tuy nhiên có một điều bất-lợi là thủy lôi

DÀI KỶ-NIỆM = NGUYỄN DU =

Nguyễn Du là nhà thi-hào độc nhất của ta, toàn thể quốc-dân một lòng sùng bái, thế mà trừ một cái bia của hội Khai-trí tiến-đức ra, thì quốc dân chưa có cái gì để kỷ-niệm bực công thần đệ nhất của quốc-văn, cho đến cái mộ của tiên-sinh đến ngày nay cũng chỉ là một nắm đất sè sè. Nhân ngày húy của tiên-sinh năm nay, hội Quảng-trị Huế, nhờ được các học hội lớn ở trong nước ủng hộ, có xuất bản một quyển sách đề là : Tập văn hoa kỷ-niệm Nguyễn Du, để bán lấy tiền sửa mộ và dựng đài kỷ-niệm nhà thi-hào ở làng Tiên-diên.

SÁCH ẤY BÁN TẠI :

HỘI QUẢNG-TRỊ — HUẾ

và nhà

Nam-ky thu-quan

17, Francis Garnier — Hanoi

Hạng giấy mẫu Tổ-như	20\$00
Hạng giấy lụa Tổ-như.	8\$00
Hạng giấy lụa sông Thao.	6\$00
(Hạng 160\$00 đủ tất cả)	

HỘI QUẢNG-TRỊ kính cáo

đó chỉ dùng được ở những chỗ bề nông. Vùng Bắc Hải sâu không quá 30 thước, là một chỗ thích dụng tuyệt-hảo. Nước Đức đã tiêu thụ rất nhiều, và đã dùng hết phương-pháp : tàu bay, tàu nổi, tàu ngầm, thả thủy-lôi ở vùng này. Sự thiệt-hại gây ra bởi thủy-lôi từ-thạch rất lớn. Ngày nay cũng đã bớt đi là vì người ta đã tìm ra phương pháp chống lại và nhất là vì Đại-tây-dương sâu quá, chỉ có thể đặt thủy-lôi đó được ở vài nơi duyên Hải hiểm có.

Phương pháp thứ ba để đánh đắm thương thuyền là sự lợi-dụng tàu-ô. Ở trên, ta đã nói về trận Âu-chiến trước, chỉ có ba chiếc tàu ô Đức ra thoát hàng tuyến phóng tủa của Anh, nhưng lần này, những tàu ô rất nhiều và có thể xuất trận được bất cứ ở chỗ nào từ Biarritz lên tới Cap Nord. Bây giờ không còn là những thương-thuyền tàng-hình, lẩn trong sương-mù hay đêm tối nữa mà là hẳn những chiến-hạm cực lớn tỉ như những chiếc Graf Von Spee hay mới đây những chiếc Bismarck và Prinz Eugen (đã bị đắm). Những chiến-hạm này gây ra nhiều thiệt hại hơn tàu ngầm vì đạn đại-bác bắn rất xa và mau hơn thủy-lôi, thành ra thương thuyền nào bị đề ý là khó lòng thoát. Thêm một điều tàu ô dùng để tiếp sức tàu ngầm, hoạt-dộng ở những vùng tàu ngầm không tới được.

Sau hết, phương-pháp cuối cùng mà không phải là yếu nhất, ấy là không-quân: Thực là một nguyên động lực mới mà vô cùng quan-trọng ở cuộc đại-chiến trước tàu bay giữ một địa vị không đáng kể trên mặt bề, duy ở trận Jutland (ngày 31 Mai 1916) một chiếc phi-cơ được dùng lần đầu mà không có mấy hiệu quả. Sự tiến bộ về kỹ thuật hàng không đã biến phi-cơ thành một chiến-cụ rất đặc-lực để phá-hại sự buôn-bán trên mặt bề. Tàu bay, cũng như tàu ngầm, tàn phá thương thuyền. Thảm-họa của những chiếc Prince of Wales và Repulse hiện còn rõ rệt trong trí ta và ta đủ hiểu hiệu quả của tạc đạn thả xuống những tàu buôn không có gì bảo vệ.

Người Đức chuyên-môn đóng những thủy phi cơ hạng Zerstorer và Kursier, đường tuyến hoạt động dài tới nửa đường sang duyên hải Mỹ. Những tàu bay đó trông thấy mỗi của chúng tự rất xa, đồng thời báo tin cho các tàu bay khác và tàu ngầm, cùng hoạt-dộng, và như thế lại càng làm tăng hiệu quả của tiềm-thủy-dĩnh.

Phi cơ đã làm mặt Bắc-Hải và bề Manche thành một chỗ không người, và trong trận Đại-tây-dương giữ một địa-vị quan-trọng vô cùng.

Vì một lẽ riêng :

Trong Số 23 bài « Về xứ Lào » và trong số 24 bài « Tín ngưỡng » không đăng được. Vậy xin lỗi các bạn đọc.

Đây là bảng thống-kế sự tàn-pha của những chiến-cụ kể trên, trong năm 1940 :

Tàu ngầm. 39 7.
Tàu bay 23 7.
Ngư-lôi. 22 7.
Tàu-ô 8 7.
Nguyên nhân không biết 8 7.

Nhưng từ tháng Avril 1941, phần phá-hại của tàu bay đã lên tới 40 7.

Để chống lại những chiến-cụ trên đây người ta đã dùng những phương-pháp nào ?

Trước hết sự kinh-nghiệm của trận đại-chiến trước đã dạy người ta một chiến-thuật có phần hiệu- quả để chống nạn tàu ngầm. Đó là cách tổ-chức những đội thương 'huyền lớn. Những tàu buôn xưa kia chạy cô-lập, không có gì bảo-vệ, thì ngày nay người ta họp lại thành những đội có khi tới trăm chiếc một, chung quanh người ta tập trung những phương-pháp phòng thủ ; những tàu đi lại đi quanh co theo hình chữ chi (之) để che chở lẫn nhau. Kết quả của sự tổ chức trên đây rất mỹ mãn đến nỗi, năm 1918, 99 7. những đội tàu đó được yên-lạnh, không bị hại.

Tuy nhiên phương-pháp đó không phải là không có điều trở ngại lớn. Tổ-chức như thế người ta phải tụ-tập các tàu buôn ở một bến mà thường khi những chiếc đến trước phải đợi những chiếc đến sau rất lâu. Mà đi thành đoàn thì tất nhiên người ta phải theo tốc lực của chiếc tàu nào chạy chậm nhất thêm nữa đi đường quanh co tất phải chậm hơn đi thẳng. Cứ như thế người ta tình ra những đoàn tàu buôn chạy lâu gấp đôi lúc bình thường, đại để cũng như người ta chịu thiệt mất một nửa số-lượng tấn tàu chở hàng. Vì thế mà trước kia người Anh đã lưỡng-lự mãi trước khi dùng phương pháp đó.

Và-lại cách tổ-chức trên đây cũng không còn tất cả hiệu quả xưa nữa. Những kỹ thuật tối tân của tàu ngầm, những cách thông tin mau lẹ đã làm cho tàu-ngầm, có thể liên-lạc hoạt-dộng để công-kích tàu buôn nhất là dễ vượt qua hàng lũy phòng thủ của đoàn thương thuyền. Lại thêm tốc-lực của tiềm thủy-dĩnh chạy trên mặt bề rất cao, thành ra tàu đó dễ đuổi kịp đoàn tàu buôn, ban đêm chạy lên trước để hôm sau quay lại tiếp tục cuộc đánh phá. Ngày nay những tàu ngầm theo rết thương-thuyền hàng bao nhiêu ngày ròng rã tựa như cá kinh vậy.

Nếu cách tổ-chức từng đoàn tàu buôn đã bớt hiệu-quả trước tàu ngầm thì cách tổ-chức đó càng yếu thế trước phi cơ. Những thương thuyền nhập đoàn thường là lăm trở-ngại lẫn nhau để cho phi-cơ phóng pháo bổ nhào xuống phá hại thực là dễ dàng vô cùng. Kết cục, trên không bị đàn điều hầu bỏ xuống, dưới nước bị đàn cá kinh đánh lên, những thương thuyền quý-hóa kia có một số phận thực đáng buồn !

(Còn nữa)

Quân Anh Mỹ đánh phá thuộc-địa Pháp ở Bắc-Phi.

Sau khi quân Mỹ đổ bộ ở xứ Liberia (Tây Phi), người ta đang lo ngại cho số phận Tây-Phi, thì đột nhiên giữa đêm 7 Novembre rạng chủ nhật 8 Novembre, Anh Mỹ mang đại đội (140.000 quân, 500 tàu vận tải, 350 chiến-hạm) đến đánh phá thuộc địa Pháp ở Bắc-Phi. Thực là một tin làm chấn động hoàn-cầu.

Các hải-cảng Alger Oran ở Algérie, Safi, Casablanca ở Maroc bị phi-cơ ném bom sáng hôm chủ nhật; rồi quân Anh Mỹ công phá kịch liệt Alger và đổ bộ. Thống tướng Darlan đang đi kinh lý các miền Tây Phi và Bắc-Phi, bèn chỉ huy cuộc kháng chiến. Ngay hôm 9 Novembre việc thông tin bị nghẽn giữa tỉnh Alger và Chính-Quốc.

Vì kém hẳn về binh lực, cho dầu lòng hi-sinh và dũng cảm có thừa, quân Pháp ở nhiều nơi không cản được quân đổ bộ nên các cửa bể Safi, Fedhala và Mehdiya ở Maroc bị chiếm. (9-11)

Ngày 10 Novembre vị Đô-đốc Darlan bị giữ lại ở Alger, Thống-chế Pétain thân ra cầm binh, thống lĩnh thủy, lục, không quân.

Đến lượt hải-cảng Casablanca và Oran bị hạm-đội Anh Mỹ đánh phá. Chiến hạm Pháp Jean Bart bị cháy và sau ba ngày kháng chiến anh dũng ở hải-cảng Casablanca, đô-đốc Michelin phải xin đình chiến.

Tình thế hết sức nghiêm-trọng. Ngay hôm 9 Novembre, tổng-tướng Laval sang hội nghị với Quốc trưởng Đức ở Munich. Đêm hôm 10 Novembre thống-chế Pétain nhận được thư của Hitler báo tin cho biết ông đã ra lệnh cho quân-đội Đức chiếm hết miền tự-do Pháp để chống giữ một cuộc xâm lăng của Anh Mỹ, do Bắc-Phi và Địa-trung-hải tiến lên. Quốc-trưởng Pháp cực lực phản kháng điều quyết nghị đó vì trái với hợp ước đình-chiến.

Quốc-trưởng Đức trong bức thông cáo gửi cho quốc-dân và binh-đội Pháp tuyên bố vẫn tôn-trọng quyền-lực của thống-chế Pétain và chính-phủ Pháp, bằng lòng để kinh-đô rời lên Versailles như lời xin trước và sẽ rút hết quân lính về miền chiếm cứ ngay sau khi miền nam và bờ bể Địa-trung-hải không còn bị huy hiếp nữa.

Mười hai giờ sau quân đội đã chiếm đóng hết các tỉnh to ở miền tự do: Vichy, Limoges, Lyon, Marseilles... và khắp miền duyên hải Địa-trung-hải. Cả quân-đội Ý cũng đã tràn qua biên-giới sang đóng ở bờ bể Pháp, và đổ bộ ở đảo Corse. Song hạm đội Pháp và miền phòng thủ quân cảng Toulon vẫn thuộc quyền hải quân Pháp.

Ngày 11 Novembre, ở Maroc quân Mỹ chiếm thêm Rabat. Ở Algérie, Oran đã phải bãi chiến. Bône thất thủ (12-11) Thành Alger thiết quân luật Đòi bèn mở cuộc đàm-phán để ký hợp ước đình chiến.

Xứ Tunisie phòng bị riết để chờ cuộc xâm-lăng.

Phi-cơ và tàu ngầm Trục hoạt động dữ cội phá những cuộc đổ bộ của Anh-Mỹ.

Đại tướng Pháp Giraud làm phản và được Tổng-thống Roosevelt cử giữ chức ông lư lệnh.

Việc đánh pha và đổ bộ của Anh Mỹ ở Bắc-Phi sẽ mở một giai đoạn quan trọng trong cuộc chiến tranh hiện thời. Không thể cứu Nga và tấn công sang Đức do phía Bắc Âu và Tây Âu được, Anh-Mỹ đã quả quyết đánh một nước cờ mạnh để xoay chiến cục sang Phi-châu. Nay việc đã bắt đầu sẩy ra, người ta có thể đoán được chiến lược của Anh Mỹ trong những ngày gần đây. Phe Đồng-Minh hẳn mong sẽ chiếm được hết Bắc-Phi để tràn sang Lybie (thuộc-địa của Ý) đánh vào quân Đức-Ý trong khi lộ quân Anh thứ 8 ở Ai-Cập rồn quân Trục từ mặt đông sang. Anh Mỹ sẽ tiếp tục đổ bộ ở Tây-Phi để đánh thốc vào quân đội Đức-Ý từ phía nam lên. Trước đây đã có tin Anh tập trung quân đội xung quanh biên hồ Tchad, phía bắc xứ Nigéria thuộc-địa Anh ở Tây-Phi. Đó có thể là triệu chứng của một cuộc hành binh vào miền nam xứ Lybie cho dầu phải qua một quãng sa-mạc khá dài.

Chiếm được hết bờ biển Bắc Phi Anh-Mỹ hẳn sẽ nghĩ đến một cuộc đổ bộ sang Âu Châu ở miền-nam. Việc đó không phải dễ dàng như ta nói chuyện tuy nhiên có điều chắc chắn là nó không khó khăn bằng một cuộc đổ bộ về mặt tây hay mặt bắc, vì xuất bờ biển Địa-trung-hải chưa có một đường chiến lũy kiên cố như đường chiến lũy Siegfried chạy dọc theo miền duyên hải đại-tây-dương và bắc-hải.

Việc Anh-Mỹ chiếm thuộc địa Bắc Phi của Pháp không những là một sự thiệt hại lớn cho Pháp và một sự nguy hiểm trực tiếp đến đời sống của dân chúng vì Bắc Phi cung cấp nhiều thực phẩm mà còn là một mối lo lớn cho phe Trục.

(Xem tiếp trang 31)

HIỆU CẠO VÀ NHÀ TẮM

PHẠM NGỌC PHÚC

3 Richaud, Hanoi

(góc phố Hàng Bông và Phủ-doãn)

Chuyên môn nhuộm tóc và uốn tóc bằng máy điện.

Lớn nhất và có tiếng là lịch sự nhất Hà-nội. Tiếp khách suốt ngày và lúc nào cũng có nước nóng.

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua

VÉ SỔ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

đọc sách mới

Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du Hội Quảng-Trị Huế xuất-Bản — Phan mạnh Danh *Thi văn* Tập Nguyễn trung Khác.

Nhân ngày hủi Nguyễn Du hội Quảng-Trị ở Huế là một hội học lớn nhất ở Trung-Kỳ, đã xuất-bản một

Tập văn Họa kỷ niệm Nguyễn Du. Sách trình bày rất đẹp, nội-dung lại có giá trị về đủ các phương-diện. Bài khảo-cứu về thân-thể Tiên-Điền của ô. Đào Duy Anh rất rõ ràng rành mạch lại có ghi nhiều điều mà từ trước ít người biết đến. Tác giả đã khéo chỉ rõ cho ta xem ảnh-hưởng của gia-thể và của thời-thể đến văn-tài Nguyễn Du. Người ta sẽ không lấy làm lạ tại sao chuyện Kiều lại thu góp được hết tinh-hoa văn-chương Việt-Nam nếu ta hay rằng nhờ mẹ, Nguyễn Du đã « thừa thụ được cái tính dịu dàng, nhã nhặn và phong lưu của xứ Kinh-Bắc » và nhờ cha « đã hưởng chịu được hào khí của đất Hồng-Lam hùng tâm của người xứ Nghệ cùng là lòng tiết nghĩa, khiêu văn - chương, do gia - phong truyền xuống trải bao nhiêu đời ! Mười một bức vẽ của các họa-sĩ có danh tả lại những câu Kiều bằng nét và bằng màu, sẽ mang lại cho trí tưởng tượng của độc giả nhiều thỏa-mãn tuy cũng còn nhiều họa bản hơi làm ta phát-ý đôi chút về phương diện mỹ thuật. Vả có một điều mà tất ai cũng sẽ để ý : là những câu thơ gây cảm-hứng cho các họa-sĩ phần nhiều là những câu tỏ đời trụy-lạc của nàng Kiều. Thành ra nếu có một quyển Kiều bằng tranh thì tất nó sẽ sừng với hai tiếng « dâm thư » mà các cụ xưa đã tặng.

Đọc tập *Văn-Họa* này, ta còn được xem nhiều bài văn của Nguyễn Du chưa từng in ra bao giờ và nhiều

bài thơ vịnh Kiều, bình Kiều. Ta lại sẽ được thưởng thức nét bút tươi đẹp của ô. Trần trình Cap đã đem tài bút-thiệp viết lại những bài thơ chữ của Nguyễn Du trong *Thanh Hiên Thi Tập* bằng mấy thứ chữ *châu phương, lệ, thảo*. Và ta không nên quên khen hai họa-sĩ Nguyễn đồ Cung và Tô ngọc Vân, đã trình bày một công trình ấn-loát có thể gọi là hoàn toàn đối với trình độ nghề in ở Bắc-kỳ.

Tập *Văn Họa* này tất sẽ được hoan-ngênh. Người ta sẽ mua nó, không những để giữ một kỷ-niệm giá trị mà còn để giúp một phần nhỏ vào việc sửa sang phần mộ và dựng đài kỷ-niệm nhà đại thi hào ở làng Tiên-Điền.

Hình như có hẹn, cùng một lúc với *Tập văn Họa* người ta lại cho xuất-bản những thi ca của một nhà thơ lớp trước, đồng thời với Yên Đổ, Dương Lâm. Đó là *Thi-văn-Tập* của cụ Phan mạnh Danh. Trước kia ta đã được biết cái tài nhờ sách của cụ trong *Bút Hoa Thi Thảo*, giờ ta sẽ được thưởng-thức tài gọt rũa câu văn. Ba mươi bài xuân-mộng thật khéo léo công phu : người Tàu đặt ra ba mươi vần bằng, tác-giả cũng làm đủ ba mươi lại còn chịu khó ghép tên cây, tên vật, tên thuốc, tên trè trong bài thơ. Lại còn những bài tỏ tình cảnh một người đàn bà nhớ chồng mà phải có đủ chữ số : một, hai, ba, bốn, vắn vắn... Người ta có cái cảm giác rằng tác giả là một nhà quý-thuật sai bảo các chữ như sai bảo âm binh cho nên lối thơ thuận nghịch đọc và liên-hoàn đối với cụ chỉ là nghề tay trái. Cái thích chơi chữ đó càng hiện hiện trong những bài thơ nôm :

Xiết kẻ tình xa với nỗi xa !

Từ ta, ta biết một mình ta.

Cũng vì quá đeo gót, nên thơ của cụ kém một chút tinh cảm, một chút tưởng tượng. Muốn chứng nghiệm chỉ việc so sánh thơ vịnh Kiều của cụ với những thơ vịnh Kiều của Chu mạnh Trinh.

Nhưng trái lại bản dịch thi văn Tàu của cụ có nhiều câu tài tình, nhất là bài văn tế Thạch man Khanh vừa giữ được nguyên điệu cổ văn vừa giữ được tinh-thần.

L. H. V.

TÒA BÁO

KHOA - HỌC

đã dọn tới:

12, Dieu-le-fils

HANOI

Téléphone: 678

HỘP THƯ

Các số cũ hết cả rồi, chỉ còn số 9.

Ô. Ng t Nha Thang Lang Hạn báo của ngài đến số 24 là hết.

Ô. Ng phi Chin Hà-tĩnh. Báo số 20, hết cả.

Ông nào ở Langson gửi mandat số 180 đề ngày 23 Octobre xin cho biết tên rõ ràng và địa chỉ.

Ô. Ng thế Viễn đã gửi đền xin cho biết đã nhận được chưa Lữ Ng Thảo Ninh Hòa hết cả T.N cũ rồi.

Ô. Lê-v-Chinh. Huế. — Hết các số cũ, xin lỗi.

= xu' an loài vật =

(Tiếp theo trang 23)

thầy tu phải ra lệnh cho chúng đi chỗ khác ngay nếu không phải bị nguyên rửa cho đến chết. Những cách đó có khác gì các cách trừng phạt loài vật thi hành ở bên Pháp trong thời-đại Trung-cổ đầu.

Ở Pháp, đến hồi Cách-mệnh (cuối thế kỷ thứ 18) người ta hãy còn kết án loài vật như thường. Chẳng nói ai cũng rõ cuộc Cách-mệnh năm 1789 đánh đổ nền quân-chủ chuyên-chế, nên trong thời kỳ Cách-mệnh ai định-tâm lập lại chế-độ quân-chủ đều phải tội cả. Trong cuốn sách « *Inquisition et Inquisitions* », hai ông Gaffre và Desardins thuật chuyện rằng tỉnh Arras (ở miền Bắc Pháp) có một con vẹt phải truy-lố cùng với chủ nó là Vieffville vì nó hay kêu ; « Pháp-hoàng vạn-tuế ». Vieffville cùng với hai con gái và hai người đầy tớ đều bị đem chính pháp vì đã giậy ồn vẹt nói câu phản cách - mệnh đó, còn con

vẹt tòa án giao cho bà Le Bon « Quân-thức » và giậy nó nói : « Dân-tộc Pháp vạn tuế ! »

Ngay ở thế-kỷ thứ 20, nhiều nước thuộc Mỹ-châu vẫn còn giữ tục xử án loài vật : ví dụ như năm 1905, xứ Indiana bên Bắc-Mỹ vừa mới ban hành đạo luật cấm hút thuốc lá, một con khỉ không tuân-lệnh bị cảnh-binh biên phạt luôn.

..

Kết án loài vật, ta có thể cho là vô-lý và chê người xưa là ngu muội, nhất là khi họ ra lệnh gọi các loài sâu bọ ra tòa. Nhưng xét cho kỹ, dù ngu muội đến đâu họ cũng phải biết rằng đòi hỏi như thế không khi nào sâu bọ đến : chẳng qua cớ-nhân làm thế mục-đích là để răn-người, để cho những kẻ mà trình-độ tinh-thần còn thấp kém hiểu rằng làm điều ác thì hình-phạt sẽ như thế đấy.

PHẠM TRINH CÁN

MỜI CÓ BẢN :

TẬP KIỀU

Của Tú Poanh

Trình bày rất ưa nhìn. Có 8 phụ bản của Nguyễn đức Nùng.

Giá : 1\$00

BỆNH THỜI ĐẠI

Của Phạm ngọc Khôi

Thứ bệnh tinh thần mà bệnh nhân là mấy lớp thanh niên đất Việt, trong gần nửa thế kỷ này.

(Loại « Đạo làm người ») ;

Giá : 0\$55

GẦN HẾT :

BÀ QUẬN MỸ

Của Chu Thiên

IN GẦN XONG :

RĂNG ĐEN

Tiểu thuyết của cô Anh Thơ

THANH LỊCH

Cuốn sách xã-giao cho phụ nữ của bà Văn Đài

CÁC BẠN YÊU THƠ HÃY GẮNG ĐOI :

« THU »

Thơ của Đỗ cầm Văn

« Thu » là cả một bản đàn tha thiết, âm điệu tân kỳ.

« Thu » tập thơ có những màu sắc hoàn toàn Việt-nam.

« Thu » sẽ in ra 50 bản quý, và 1000 bản thường.

Bản thường : 2\$50 Bản quý : 8\$00

HƯƠNG XUÂN

Những vần thơ hay của mấy nữ thi sĩ có danh : Văn Đài, Hằng Phương, Anh Thơ, Mộng tuyết .

Nhà xuất bản
Dường 206^{bis}



NGUYỄN DU
số 11, Hanoi

VIỆC QUỐC TẾ

(Tiếp theo trang 28)

Ở Ai Cập, quân Anh vẫn tấn công kịch liệt vào phòng tuyến Đức Ý.

Quân Anh đã xuyên thủng đường phòng thủ Trục ở El Alamein và trong vòng một tuần lễ, chiếm Marsa Matrouh Sollum, Tobrouk, Bardia dồn quân Đức-Ý về Lybic một cách rất nhanh chóng.

Ở Nga quân Đức tiến được ít nhiều ở phía Tuapse và Terek. Nhưng ở Stalingrad, cuộc kháng chiến của Nga vẫn kéo dài. Hàng ngày người ta lại càng thấy sức dai dẳng của Hồng quân và những chiến phương không ngờ đến. Gần đây, vì thấy quân Nga vẫn có thể mang viện binh qua sông Volga cho đầu phi cơ và pháo binh Đức hoạt động rất mẫn cán, người ta đoán có lẽ có một cái cầu làm cách mặt nước 30 phân tây, đủ che lấp để phi cơ bay trên sông không trông thấy, và một con đường hầm đào hẳn dưới lòng sông!

Mùa đông đã tới. Ở Caucase đã có nơi rét tới 5 độ dưới zero và đường lầy lội vì tuyết phủ. Việc hành binh bắt đầu khó khăn. Nước sông Volga đã có chỗ đóng thành băng. Việc kháng chiến ở Stalingrad sẽ còn kéo dài, nếu quân Nga có thể giữ đến khi viện binh qua lại trên sông Volga tự nhiên như đi trên bộ.

Viết ngày 13 Novembre 1942

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60

Mandat mua báo gửi cho:

Mme THUY AN, Journal Đàn Bà
76, Wiéle — Hanoi

VỎ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

SÁCH MỚI

TẬP KIỀU ; Cửa Tú Poauh nhà Nguyễn Du xuất bản giá 1\$00

Đứa con nuôi : Vũ Đình sách hao mai của nhà Cộng Lực giá 0\$10

Đôi vợ chồng : Tâm lý tiểu thuyết của Kinh Kha Cộng Lực xuất bản giá 0\$80.

Tập văn hoa kỷ niệm Nguyễn Du ; hội Quảng Trị (Huì) xuất bản Đào duy Anh biên tập Nguyễn đồ Cung trình bày có 11 bức tranh của 11 họa sĩ giá 6\$00

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu với các bạn đọc.

TINH HOA VĂN THƠ CỔ ĐIỂN VIỆT-NAM

CHIÊU HỒN

Một bài thơ dài của tác giả Kim Vân
Kiều và cao sáu hơn truyện Kiều

Với một thiên khảo cứu, phê bình về triết lý và hình nhị thượng Phật giáo trong hai tác phẩm Nguyễn Du của Trọng Miên.

Sách in khổ lớn 21 x 27 trên giấy registre (loại thường) và giấy vélin bouton d'or (loại đẹp) do họa sĩ Phạm Tú trình bày và ấn công J. Aspar trông nom về ấn loát.

Sách có tranh, in hai màu rất đẹp và mỗi cuốn sách đều có thêm một phụ bản của Phạm Tú.

Chỉ gửi theo lãnh hóa giao ngân Hoa hồng 50%.

NHÀ XUẤT BẢN ĐÔNG-PHƯƠNG

227, Paul Blanchy — Saigon

Tổng phát hành :

M. PHAM QUY LAN

N° 20, Cité Nam-ky — HANOI

NGUYỄN XUÂN SANH

DẤT THƠ'M

NHẬT KÝ

(1940 - 1941)

sẽ xuất-bản trước lễ

Báo THANH-NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG - THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM - PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CÁN CHÍNH - PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 1^{er} Décembre 1942

- Một vài ý nghĩ về việc cải cách giáo dục — chức vụ giáo sư.
- Cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu Tây
- Chính-thể độc-tài
- « Tạo Lóa chép nghệ thuật »
- Một vài chính kiến của Tôn dật Tiên.
- Đọc tiểu thuyết Việt Nam cận đại
- Cách ăn-uống của người Việt-Nam xét về sinh lý học.
- Địa vị sách đoạn - trường - tân-thanh trong tư-tưởng văn-chương Việt Nam
- Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ 17.—VIII.
- Ngọn đèn (truyện ngắn).
- Việc quốc tế.
- Đọc sách mới

VŨ ĐÌNH HỒE
VŨ VĂN THIỆN
PHẠM ANH
ĐÌNH GIA TRINH dịch
PHAN QUÂN
ĐÌNH GIA TRINH
NGUYỄN ĐÌNH HẢO

ĐÀO DUY ANH
NGUYỄN TRỌNG PHẤN
LÊ HUY VÂN
ĐỖ ĐỨC DỤC
L. H. V.

CÁC NGÀI LƯU Ý TRONG LÚC

Dùng chè ĐỒNG-LƯƠNG

Chúng tôi nhận được thư của nhiều bạn hàng và các nhà sành trà báo cho chúng tôi biết hiện nay có rất nhiều thứ chè làm giống như chè ĐỒNG-LƯƠNG và có nhiều kẻ trượng là người của hiệu ĐỒNG-LƯƠNG mang những thứ chè rất xấu đó đi bán rao khắp nơi nữa.

Vậy chúng tôi xin nhắc đề các bạn hàng yêu quý của chè ĐỒNG-LƯƠNG rõ: TỪ 20 NĂM NAY CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG KHÔNG BAO GIỜ CHO ĐEM ĐI BÁN RAO NHƯ VẬY.

Và trong lúc-chúng tôi nhờ pháp luật dò xét trừng trị bọn vô lương tâm đó, chúng tôi ước mong các ngài nếu thấy một kẻ nào mạo nhận là người của chúng tôi cho đi bán rao trà thì xin vạch rõ cách hành động dè hèn của chúng trước quốc dân để trừ diệt những kẻ khốn nạn dùng lối cạnh tranh hèn mạt, ngu dại làm phi tiếng hàng nội hóa và làm cản trở sự tiến bộ của nền công nghệ Việt-Nam. Chúng tôi lại mong các ngài mỗi khi mua trà xin đến thẳng Tổng-cục chè ĐỒNG-LƯƠNG ở số nhà 40 PHỐ HÀNG NGANG HÀ NỘI hoặc các Đại-lý chè ĐỒNG-LƯƠNG ở khắp các tỉnh thì sẽ không bị nhầm và bị lừa dối.

CHÈ ĐỒNG - LƯƠNG kính cáo